Năm thứ hai — Số 59
Tuần-lễ từ thứ tư 12 Août
đến thứ ba 18 Août 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Văn-học ta xưa sở dĩ phát-triển được, một phần lớn cũng là nhờ công những bà vợ hiền — *Hoa-Bằng*
Tra nghĩa chữ nho (XIII) — *Nguyễn văn-Tố*
Phê-bình « Bóng mơ » — *Kiều thanh-Quế*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXVI) — *Ứng-Hòe*
Một giờ với nhà văn Sơng-An Hoàng ngọc-Phách (I) — *Lê-Thanh*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, II) — *Nhật-Nham*
Những ông nghè triều Lê (XXXII) — *Ứng-Hòe Nguyễn văn-Tố*
Trở lại vấn-đề liên Mỹ và chủ nghĩa Monroe (hết) — *Nhật-Nham*
Những sự thay-đổi trong ban tiểu học Pháp — *Nhân-Nghĩa*
Những ngày « lịch-sử » trong tháng Août — *Long-Điền*
Nam đàn bát châu, tục thảo (II) — *Tùng-vân Nguyễn đôn-Phục*
Bản sách dẫn về « Đại nam liệt truyện » (III) — *Thọ-xuân Lê văn-Phác*
Trúc mai sum-họp (VIII) — *Chu-Thiên*

0$20

Văn-học ta xưa sở-dĩ phát- CŨNG LÀ NHỜ CÔNG

VIỆT-nam vốn có tiếng là một nước trọng học, sùng văn. Mấy nghìn năm nay, dưới cái khuynh-hướng và sùng-thượng ấy, đã đào-tạo được một hạng sĩ-phu đem sở-học phụng-sự quốc-gia, lấy văn-chương phấn-sức thái-bình, cầm ngòi bút điểm-tô non nước, nâng trình-độ văn-hóa nước nhà càng ngày càng lên cái nấc cao hơn, đẹp hơn.

Tại sao trong văn học giới ta hái được kết quả tốt đẹp như vậy ?

Ngoài thói hiếu-thượng của các thời-đại và sức khuyến khích của các nhà cầm quyền, một phần lớn cũng là nhờ ở các bà vợ hiền của những nhà văn-học chân chính.

« Chẳng tham ruộng cả, ao liền,
Chỉ tham cái bút, cái nghiên anh đồ ».

Và

« Khuyên chàng đọc phú, ngâm thơ,
Dầu hao, thiếp rót ; đèn mờ, thiếp khêu ».

Mấy câu ca-dao ấy đã tả vẽ được cái tâm-lý chung của một lớp phụ-nữ xưa chỉ vì yêu cái bút, qui cái nghiên mà hi-sinh hết thảy, suốt đời vì anh đồ mà thắt lưng buộc bụng, mà gồng nặng, gánh nhẹ, mà buôn tần bán tảo, mong giúp anh đồ thành danh. Phải, còn gì hạnh-phúc bằng, thi-vị bằng một bức tranh sống bày trong túp nhà tranh kia : Dưới ngọn đèn yếu ớt, anh chồng cất tiếng sang sảng, trong trẻo, ngâm nga những bài văn đắc ý với một giọng trầm bổng du dương. Bên chàng, một mỹ-nhân, ăn bận mộc mạc, không son phấn, dịu-dàng ngồi lắng tai nghe với một điệu bộ hồn nhiên, thùy mỵ, rồi thỉnh thoảng nâng giơ bàn tay yêu đương ra, rót dầu, khêu bấc, để cho chàng cứ được tiếp tục cái hứng thú ngâm đọc thơ phú trong lúc cảnh lặng, đêm khuya.

∴

Chính những bà vợ hiền ấy thật đã tặng cho bộ « Việt-nam văn-học sử » biết bao những trang thơm tho, rực-rỡ.

Cụ Lương-Khê Phan Thanh-Giản, ngoài những công nghiệp lo nước, giúp dân, lại làm được những tác-phẩm (1) như Du kinh tập thảo *(1826),* Toái cầm thi tập *(1827),* Kim đài thảo *(1832),* Minh-mạng chánh yếu *(1837),* Việt-sử thông giám cương mục *(đứng tổng-tài làm chung từ năm 1856),* Như Tây nhật trình *(1863), và* Lương-Khê thi văn tập *(2), phải chăng cũng nhờ sức giúp-đỡ của bà Lương-Khê ?*

Tôi nói « giúp đỡ » đây không phải là bà Phan « gà » văn hay nghĩ bài hộ chồng đâu, song nhờ bàn tay củ gừng tề gia nội trợ của vợ hiền, cụ Phan mới yên tâm mà làm việc cho quốc-dân, cho văn-học. Chứng cớ ấy tôi tìm thấy ở một bài thơ nôm của Phan Lương Khê :

« Từ thủa vương mang mối chỉ hồng.
Tình này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười kẻ ham dong ruổi,
Chướng liễu thương ai chịu lạnh-lùng !
Ơn nước, nợ trai, đành nỗi phận.
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn dỗ khi lâm biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỏi lòng... »

— Gửi cho vợ

Ta nên chú ý đến câu « cha già, nhà khó, cậy nhau cùng... »

Cụ Lương-Khê tuy làm quan, nhưng nhà rất thanh-bạch, vì các bậc chân nho xưa thờ chủ nghĩa « tri trạch », lấy liêm khiết làm đầu, cao treo tấm gương « tuần-lương » cho đương thời và hậu thế. Ở trong một gia-đình, nhà đã khó, cha lại già, người phải gánh vác « giang-sơn nhà chồng » ấy không phải không nhọc nhằn vất-vả : Đối với cha già, bữa sớm, bữa hôm, rau cháo sao cho hết đạo ? Lúc yếu đau, việc thang thuốc, thần hôn sao cho thay được lòng chồng ?

Nào có thế thôi đâu, dưới gối còn một đàn con, bà hiền phụ ấy lại phải thay chồng trong khi « dong ruổi đường mây » không có thì-giờ làm việc phủ dục, mà nuôi cho con lớn lên, giúp cho con đi học, dạy cho con khôn biết, để chồng có thể cứ yên tâm mà đền « ơn nước », trả « nợ trai ».

Nếu cụ Lương-Khê không gặp được người « bạn buồng the » lúc nào cũng đinh ninh nhớ được « mấy lời dặn dỗ khi lâm biệt », thì chắc đâu cụ đã lưu được những nét vĩ-đại phi thường in trên những trang quốc-sử và văn-học sử Việt-nam cận đại ?

triển được, một phần lớn NHỮ'NG BÀ VỢ' HIỀN

HOA-BẰNG

Nói đến S. N. tiên-sinh, chắc ai cũng nhớ nhiều bài danh văn của tiên-sinh đã viết.

Dưới trời thu, một hôm, tiên-sinh chơi thuyền trên sông Hương, đối cảnh trạnh lòng, cảm thương trước tấn tuồng hưng phế, bất giác thốt ra mấy vần phú đầy bi-tráng lâm-ly :

« Ngô lác đác mưa,
Trúc hiu-hiu gió.
Lau ủ màu xanh,
Phong phơi lá đỏ.

. . . . . .

Đài Ngô lấp ló dấu hươu nai, cờ phất-phới lá vàng thêu mấy sắc ;
Bến Sở lờ-mờ tăm vượn hạc, hồn tê-mê suối đỏ khóc bao hồi!... »

—Hương giang thu phiếm phú

Lại một đêm, đêm rằm tháng tám, tiên-sinh tuy có rượu, nhưng không được uống ánh trăng, tiên-sinh ngây ngất bâng-khuâng, viết ra mấy vần thơ rất trội về mặt nghệ-thuật :

« Gió vàng thấp thoáng đưa hương quế ;
Mây bạc lan-man giấu bóng hằng ! »

—Rằm tháng tam khong trăng

Tại sao tiên-sinh được rảnh mình mà làm thành những vần phú hay, câu thơ đẹp như thế, ngoài những công-cuộc vĩ đại khác của tiên-sinh ?

Tất ai cũng phải nhìn nhận rằng nhờ có bàn tay tương-trợ của bà hiền phụ.

Ta thử tưởng-tượng : lúc trẻ, tiên-sinh là một tay hàn sĩ, nhà nghèo, lại giao du rộng, mỗi lần khách đến là một lần khiến bà chủ trong gia đình thanh bạch ấy có cái lo đến phải « cắt tóc » để chạy gà gỏi cung tân ! Thế mà bà ấy vẫn xử trí được ung dung, cha già vẫn đủ đồ ngọt bùi, con mọn vẫn được no ấm, chồng vẫn được yên tâm học hành và hoạt động mọi việc xã hội, khách khứa đến chơi vẫn được vui vẻ cùng chồng luận văn, đàm tâm.

Người ta không bao giờ quên mấy lời khảng khái của bà khi tiễn biệt ông chồng đi theo tiếng gọi của thần Nghĩa vụ : « Việc của thầy(3), thầy cứ làm, tôi không biết đến... »

Thế rồi « dầu nắng, dầu mưa, dầu giông hồi tố trận »(4), bà hiền phụ ấy cứ lần chuỗi ngày « tân-khổ » cho tới khi đầu bạc răng long.

Rồi một ngày kia, người ta thấy đám tang không kèn không trống, khởi hành từ chiếc nhà tranh xiêu tó tiêu-điều đưa người liệt phụ ấy đến nơi yên-nghỉ cuối cùng giữa một cánh đồng hiu-quạnh trong khi vắng mặt chồng già.

Bà ấy đã chết, chết trong lạnh lẽo âm thầm, nhưng đã đắc thắng trong việc giúp chồng thành người của lịch-sử.

∴

Khi phê-bình Tú Xương, ông Trần Thanh-Mại, tác-giả « Trông giòng sông Vị », có viết về bà Tú : « Có những người đàn bà sinh ra để mà cầm thanh kiếm, cưỡi cỗ voi, quản đốc hàng vạn hùng binh, đánh thành này, thâu lũy nọ. Những vị cân-quắc anh hùng ấy danh tiếng lẫy lừng trong lịch-sử. Lại có một hạng phụ nữ — mà ta đừng tưởng rằng hạng này nhiều hơn — sinh ra chỉ để cầm cán chổi, coi bầy lợn, xem công việc ngỡ là không oanh-liệt, không vinh dự bằng, nhưng kể ra, công trạng họ đối với tiền đồ, với tổ-quốc, với văn-minh, không phải là nhỏ thua đâu. Thế mà hạng người ấy không ai thèm đếm xỉa đến. Vì sao lại có sự thiếu-sót bất công ấy ? Vì sao lại có cái thiên-vị ấy ? Tấm lòng sùng thượng của người đời lắm khi cũng còn sai lệt hoặc cẩu thả lắm thay !

« Đó là những tư-tưởng nảy đến trước hết trong trí tôi mỗi khi tôi nghĩ đến bà Tú Xương.

« Sinh trong một cảnh thôn-dã êm-đềm, trong bầu không khí trong lạch bao bọc làng Phú-nghĩa

ĐÃ IN XONG

CHỬ NHO HỌC LÂY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước thường 0p12

Các hiệu sách mua buôn có trừ hoa hồng hậu.

huộc huyện Mỹ-lộc, Nam - định, bà Tú Xương là một người có tất cả các đức hạnh của người đàn-bà theo lý tưởng Khổng giáo. Có mà không tự biết. Cái hay, cái cao-thượng là ở chỗ đó...» (*I.G.S. V. trang 37*).

Phải, ngày nay, mỗi khi tết đến, tác giả mấy bài thơ « chúc tết » còn được truyền tụng ở cửa miệng người đời va sau này, « Vị-xuyên có bác Tú Xương *» sẽ được ghi tên trong văn - học sử, chính là nhờ công bà Tú Xương đã suốt đời vì chồng, cúc cung tận tụy đấy.*

Nếu không có bà ;

«Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo-xèo mặt nước lúc đò đông.
. . . . . »

thì Tú Xương chưa chắc đã có can-đảm dám ngông - cuồng liều lĩnh, chỉ nay đi chơi, mai đi hát, rồi làm được những bài thơ lỗi-lạc tài-hoa.

Vì bà « năm nắng mười mưa dám quản công », nên ông Tú mới «tiền-bạc mặc thây con mụ kiếm», tha hồ ngâm hoa, cợt nguyệt, dệt thành những câu hoa gấm trong bước giang hồ.

Vậy, nay mỗi khi đọc đến thi phẩm của Tú Xương, ta không nên quên bà Tú đã có công ngầm giúp vào cuộc tiến-hóa chung của đất nước.

Mà chẳng phải chỉ có một mình bà Tú Xương đã lên đứng vào hàng-ngũ văn học để giúp chồng được nên danh như thế đâu, còn biết bao bà vợ nhà nho vì muốn làm tròn thiên chức thiêng liêng người hiền - phụ, phải rốc cạn bao chén đắng cay, giúp chồng con hát bài đắc thắng trên trận bút đàn văn, lưu được sự nghiệp bất hủ trong văn-học giới.

Các bà ấy là những tay anh-hùng vô-danh, với can-đảm, nghị lực và kiên-nhẫn, đòi phen phấn đấu với đói rét, phấn đấu với tật bệnh, phấn đấu với nghèo - nàn, phấn đấu với hoàn - cảnh ác liệt, trăm trận đánh quen, mới giúp ngầm chồng con giật được phần thưởng danh-dự.

.·.

Cách đây độ 50 năm trở về trước, hạng sĩ ở xứ ta, những khi còn là « vị vũ chi giao long » hay «ẩn sơn chi hổ báo », chỉ quen sống cái đời :

« Ngâm thơ, đọc phú kêu như chuông,
Đắp núi, uốn cây khéo hơn vẽ » (5).

Nếu không có các bà vợ hiền giúp việc tảo tần, thì vì sinh kế áp bách, các cụ ông cũng đến xếp bút, xếp nghiên, xếp chí-khí, rồi có lẽ liều tình để trắng hết cả những trang văn-học sử hàng nghìn năm mà không đánh dấu được một nét gì đáng gọi là quan trọng nữa !

Trên tờ Dân-Báo *ngày 7 Juillet 1942 có đăng mấy lời tuyên ngôn của Đại-tá Yahagi, chánh ty báo giới của quân đội Nhật, mà* Tiếng Dân *số 1690, ngày 15-7-42 có thuật lại :*

« Quân sĩ Nhật sở dĩ đánh giặc được can-đảm là bởi họ không phải lo lắng về gia-đình của họ và hiểu rằng gia-đình họ đã được vợ con điều khiển hẳn hoi ».

Vậy ta sao lại không thể nói : Nhiều nhà văn-học ta sở-dĩ có can đảm viết văn, là vì họ có vợ hiền cặm-cụi ở nhà giúp chồng, nuôi con, điều-khiển công - việc gia-đình để họ có thể yên lòng cứ theo đuổi việc làm trên đường văn học ?

.·.

Gần nay phong-trào phụ-nữ đã rung-động toàn-quốc. Phái phụ-nữ đã hấp-thụ được nhiều anh-hoa của tinh-thần Đại-Việt tuy có đổi chút hình-thức bề ngoài cho hợp thời, nhưng vẫn giữ được cốt-cách tinh túy, theo đúng chủ nghĩa « tả thuận », đứng bên chồng con, giúp đỡ thúc-giục để chồng con cứ hăng hai tiến-thủ, tận tâm phụng - sự văn học nước nhà.

Đó là phần cao - siêu của hồn Đại-Việt !

Đó là đức tốt, điều hay đang khuyến-khích biểu dương vì văn-học-giới !

HOA-BẰNG

---

1. Tham khảo : *Một đấng trung-thần Phan Thanh-Giản* (chữ « Giản » nguyên-văn có thêm *g*) của Thượng-Tân-Thị đăng trong *Tân Văn Tuần Báo*, số 76, ngày 15 Février, 1936, trang 9 ; *Đôi chuyện về Phan Thanh-Giản* của Lê Thọ-Xuân đăng trong Tri-Tân số 4, trang 7, 8, 14.

2. Trong bộ *Lương-khê* này gồm có *Lương-khê thi thảo* 18 quyển, *Lương-khê văn thảo* 3 quyển, *Thi thảo bổ di* 1 quyển và *Văn thảo bổ di* 1 quyển.

3. Tiếng « thầy » mà các cụ bà xưa dùng để kêu chồng đây cũng như chữ « phu-tử » trong hán văn. Ý muốn tỏ ra tôn kính chồng, coi chồng như bậc thầy dạy.

4. Chữ trong bài *văn tế đồng bào Nghệ Tĩnh chết vì lụt bão* của S. N. tiên-sinh.

5. Hai câu này của cụ kép Nhã-am Nguyễn văn-Trinh tặng Gia tiên nghiêm.

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông - Pháp
biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 13 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VIII. — Chữ k

Ông Lê Văn-Hòe quên không thêm chữ *kết thảo* và chữ *hàm hoàn* vào chữ *kết cỏ ngậm vành* ở trang 129 quyển *Tầm nguyên từ-điển*. Sách *Tục Tề hài-ký* chép « Dương-Bảo lên chín tuổi, đến phía bắc núi Hoa-âm — chữ nho là « trí Hoa-âm sơn bắc » : ông Lê Văn-Hòe chép là « qua núi Hoa-sơn », — thấy một con hoàng-tước bị giống cú vọ đánh lăn xuống đất (*Từ-nguyên* chua *hoàng-tước* là một giống chim sẻ mình nhỏ, mỏ và chân vàng : con cái lưng vàng, con đực lưng đỏ). Dương-Bảo đem về để ở trong lồng, trùm cái khăn ở trên — chữ nho gọi là *cân-sương* — nuôi bằng hoa cúc vàng hơn một trăm ngày, lông cánh lại mọc, rồi bay đi. Đêm ấy có đứa trẻ con mặc áo vàng, đến trước mặt Dương-Bảo, lạy hai lạy, nói rằng : « Tôi là sứ-giả Tây-vương-mẫu ; ngươi là người nhân-ái cứu vớt tôi, thực cảm tạ cái lòng tế-độ của ngươi ». Rồi lấy bốn cái vòng ngọc trắng — *bạch hoàn* — đưa cho Dương-Bảo, nói rằng : « Con cháu lịnh-quân là người khiết-bạch, ngôi đến tam-công — « *vị đăng tam-sự* » — được thiên-hạ qui trọng như vòng ngọc này ». *Từ-nguyên* chua : « Ngày nay gọi việc báo ơn là « hoàng-tước hàm hoàn », nghĩa là chim sẻ vàng ngậm vành, tức là ở điển này mà ra ». Còn chữ *kết thảo* là kết cỏ, *Từ-nguyên* cắt nghĩa là báo ơn sau khi chết, và chép đời Xuân-thu, Ngụy-Khỏa nước Tấn cho người vợ góa thứ hai của cha đi lấy chồng — « giá kỳ phụ chi di-thiếp » — không theo lời cha bắt chôn theo. Sau Ngụy-Khỏa đánh nhau với người nước Tần là Đỗ-Hồi, sắp thua thì hình như trông thấy một người già kết cỏ để hại Đỗ-Hồi — « kiến lão-nhân kết thảo dĩ cang Hồi » — thành ra Ngụy-Khỏa được. Đêm mộng thấy ông già nói rằng : « Tôi là cha người đàn bà mà ông cho đi lấy chồng, cho nên tôi quấn cỏ làm cho Đỗ-Hồi thua để báo ơn ông ». Lời cảm ơn thường dùng hai điển này, gọi lúc sống là ngậm vành, lúc chết là kết cỏ.

Ở trang 130 quyển từ-điển của ông Lê Văn-Hòe, nên thêm một nghĩa nữa vào chữ *kết phát*, nói trong khi thiếu-niên còn kết tóc — « thúc phát » — như câu sau này trong truyện Lý-Quảng : « Tự kết phát giữ Hung-nô chiến v. v. », nghĩa là từ lúc còn kết tóc, cùng đánh nhau với Hung-nô, v. v. Không phải như ngày nay gọi kết tóc vợ chồng : « phi kim sở vị kết phát phu thê giã ». *Từ-nguyên* nói rõ chữ kết tóc về nghĩa vợ chồng, là tối thành-hôn vợ chồng cùng kết tóc cho nhau, cho nên *kết phát* cũng dùng để gọi người vợ cả (nguyên phối) : nghĩa này bắt đầu dùng từ đời Hán. Còn chữ *khiên ti* là kéo tơ, thì *Từ-nguyên* chua hai nghĩa : một là kéo « lời nói của vua như tơ » — « vương ngôn như ti » — để mà làm quan ; nhưng *Từ-nguyên* lại phê rằng cắt nghĩa như thế : « giống như bịa đặt » — « cận ư xuyên-tạc ». Nghĩa thứ hai là chuyện kết hôn. *Khai thiên di-sự* chép « đời Đường, có Quách Nguyên-Chấn, người phong tư đẹp. Tể tướng là Trương Gia-Trinh muốn nhận làm rể, bảo rằng : « Ta có năm con gái, đều cầm một sợi tơ ở sau màn, ngươi kéo được sợi nào thì lấy người ấy làm vợ ». Nguyên-Chấn kéo một sợi được người con gái thứ ba có sắc đẹp. » *Từ-nguyên* « xét Nguyên-Chấn sinh trước đời Gia-Trinh », vậy « việc này không đủ tin : các bậc tiền-nho cũng đã biện-bạch rồi ». Như thế *se-tơ* của ta nên chép vào chuyện Vi-Cố mới phải (*Tri-tân*, số 53, trang 5-6)

Ở trang 131, ông Lê văn-Hòe chỉ cắt nghĩa chữ *kiêu* là kiêu-ngạo, và ngựa bất kham. *Từ-nguyên* còn chua nghĩa :

— 1, ngựa sáu (thước trở lên (thước tàu) ;

— 2, dáng con ngựa khỏe mạnh ;

— 3, kiền cách.

Ở trang 132, dưới chữ *kiều tử* là hai cha con, nên chua rằng chữ *kiều* ở chỗ này có khi viết bỏ chữ *mộc* bên.

Kiều-mộc là cây lên cao rồi mới chĩa cành. *Từ-nguyên* nói ngày nay thường gọi *kiều-mộc* là những cây cành rễ dài hai ba trượng trở lên (mỗi trượng bốn thước tây) còn *quản-mộc* là cây mọc từng bụi, như cây hồng (tường-vi,) cây mẫu-đơn ; ngày nay thường dùng để gọi những cây cành rễ thấp nhỏ gần đất.

Ở trang 133, dưới chữ *kim-âu*, ông Lê văn-Hòe nói rằng : « Người ta thường ví một nước thái-bình thịnh-trị với cái âu vàng ». *Từ-nguyên* nói là « dụ cương-thổ chi hoàn cố giã », nghĩa là ví cõi đất bền chặt chứ không phải thái-bình. Tự-vị Khang-hi cũng cắt-nghĩa chữ *kim* là « kiên giã », nghĩa là vững bền. *Nam-sử*, là sử Nam-Bắc triều, có câu : « Vũ-đế ngôn : Ngã quốc-gia do-nhược kim-âu, vô nhất thương khuyết », nghĩa là Vũ-đế nói : Nhà nước ta cũng như kim-âu, không sứt

xem tiếp trang 16

Phê-bình

« BÓNG MƠ »

Tiểu-thuyết của bà Tú Hoa

KIỀU THANH-QUẾ viết

MỘT người qui tộc trong hài kịch của Shakespeare, vốn là tay nịnh đầm giỏi và chơi sách sành, bàn về các sách có thể góp lưng vào trong thơ-viện gia-đình ông, bảo rằng :

— Tôi muốn cho các sách ấy phải được đóng khéo, mạ chữ vàng tốt và nhứt là phải nói đến ái-tình và đàn bà.

Ái-tình và đàn bà ! Đó là nguồn cảm-hứng vô tận, trong đó ngọn bút nhà văn chấm vào, để viết nên bao nhiêu tiểu - thuyết hiện-đại. «Người đàn bà là kiệt tác của vũ trụ (1)» có khác ! Và «ở nguồn gốc tất cả sự quan trọng đều có một người đàn bà» (2). Thế nên hầu hết bao nhiêu nhà tiểu thuyết xứ ta đều nói về đàn bà và rán tìm hiểu cái gì đã vừa ý đàn-bà.

Đàn bà họ chỉ biết và thích tìm trong tiểu-thuyết có sự bí ẩn của lòng họ và của quả tim những kẻ tình địch của họ thôi.

Mà đối với sự bí ẩn của lòng đàn-bà dễ thường các nữ sĩ có chỗ thấu đáo hơn ngọn bút đàn ông... (Tôi chỉ bảo là « dễ thường... », chớ tôi chưa dám quyết đoán).

Ở Âu-Mỹ hiện nay, bà Vicki Baum, bà Rosamond Lehmann, bà Virgina Woolf, bà Claude Sylvain viết tiểu-thuyết loại tình cảm ai cũng thích đọc, cũng cho là rất khám phá.

Văn-học quốc-ngữ cận đại có được hai ba nữ sĩ viết tiểu-thuyết tác-giả *Một linh hồn*, bà Thụy-An, tác-giả *Một chuyện tình 15 năm về trước*, *Những vành khăn trắng*, bà Lưu thị Hạnh và bà Tú Hoa-một người đàn bà Nam kỳ trong huyết quản, bằng một lối văn Nam-kỳ, đặc biệt với các thổ âm cố - hữu của nó, đem phô diễn « những ý nghĩ hạnh -phúc phớt qua trí như một bóng mơ».

Hạnh-phúc của Chương, Lan — của đôi vợ chồng son trẻ ấy — khác nào một bóng mơ !

Thật vậy, hạnh-phúc làm sao được, một khi đối với Lan, « lấy chồng như sắp được thêm món phù hoa. Có ai mách nàng được biết người đàn bà phải tín ngưỡng vào hôn-nhơn để tìm lẽ sống và hạnh-phúc trong bổn phận làm vợ. Lan lấy Chương để yêu nhưng yêu bằng trái tim chưa từng tha thiết đập vì ái tình. — Những kẻ không hề biết sự vô cùng tận của trời đất, nhìn những lớn - lao nào cũng tưởng có chừng hạn. Lan thấy tấm lòng đối với Chương thẳng-thắn, đúng mực. Nàng đâu hiểu ái tình cũng như vũ trụ vẫn vô-cùng, vô tận. Nàng yêu Chương một cách dịu dàng chơn - thật, song thiếu sâu xa và không bền chắc » (trang 27).

Lấy nhau vì tình có những tệ-hại như thế nào, chúng tôi đã nói đến trong bài phê bình quyển *Lấy nhau vì tình* của Vũ trọng-Phụng (in trong tập *Phê bình văn học* II sắp xuất bản).

Còn lấy nhau không vì tình như Chương, Lan trong Bóng mơ, rốt cuộc chỉ đưa đến sự muốn để bỏ nhau thôi. Vì còn gì vô lý bằng phải ăn ở với nhau khi mà người ta không thể chịu được sự thấy mặt nhau hằng ngày, bởi chẳng hiểu nhau !

Chương, Lan không hiểu nhau vì « những khát vọng dị-đồng lại có một nước đi khác hẳn ở người đàn ông và ở người đàn bà : thảo nào người đàn ông và người đàn bà chẳng không thôi hiểu lầm nhau» (3).

« Lan muốn chính nàng hỏi chồng cuộc chia ly. Nay tự Chương nói trước nàng buộc lòng từ chối. Và sự thật đã bày chán chường. Lan cảm thấy lòng tự ái bị xúc động. Chương lừa nàng. Tự - nhiên trong trí Lan nảy ra những ý nghĩ ghen tuông. Tuy vậy, chẳng phải chỉ vì ghen mà Lan không bằng lòng bỏ nhau. Phần nhiều vì lòng tự ái. Nàng là vợ chánh-thức, hơn nữa nàng là mẹ của đứa nhỏ, bỗng không Chương bảo phải nhường chỗ cho kẻ khác, có lẽ nào ? Nếu nàng tha-thứ được, nàng sẽ tha-thứ kẻ đã chiếm đoạt lòng nàng. Chớ bảo rằng phải xa nàng để sống cùng kẻ ấy, chẳng bao giờ ! » (trang 67). Ý định báo thù nổi dậy trong lòng Lan ! Quyết rằng Chương cũng phải khổ như nàng ! Chớ lý đâu trong lúc nàng đau khổ, Chương lại được tự toại hưởng hạnh-phúc bên cạnh một người đàn bà khác (Oanh). Không, không. Trăm lần không ! Nàng tìm đủ cách không cho Chương được thế.

Ghê-gớm thay sự báo thù kín đáo của người đàn bà ! « Trong

sự báo thù cũng như trong ái tình, người đàn-bà dã-man hơn người đàn ông » (4).

.·.

Cuộc đời nào phải là những ánh đèn sắp-đặt có thống-hệ. Mà cuộc đời chính là một vầng hào-quang chói-lọi, nó bao trùm ta mãi tự khi ta mới ra chào đời.

Sứ-mạng nhà văn là phải nhận-thức cái thần trí biến đổi, vô cùng và xa-lạ ấy; phải để ý đến những điều lầm-lạc, những sự phiền-phức mà mình có thể trình-bày, với chút ít pha lẫn sự vật bên ngoài vào.

Một thần-trí nhân-loại chỉ là cái trào-lưu liên-tiếp của bao nhiêu hình-bóng và kỷ-niệm. Nếu nhà văn muốn được tiếng tả thật, ông ta phải trung-thành với các hình-bóng, kỷ-niệm lướt qua mau lẹ ấy.

Muốn trở nên một nhà tiểu-thuyết hữu danh, phải khả dĩ cảm-thông được tâm-hồn của kẻ khác. Nhưng bởi khó mà thoát ra khỏi tâm-hồn mình được, phải có một tin-tưởng chắc-chắn, phải tin rằng tình-cảm và khát vọng của nhân-loại phần đông đều như nhau; và phải cố hiểu kẻ khác qua tâm hồn mình.

Bà Tú Hoa, trong *Bóng mơ*, đã cố hiểu kẻ khác qua tâm hồn mình. Các nhân-vật đàn bà của bà rất linh-động. Tả tâm lý đàn bà, bà tỏ ra có nhiều chỗ rất khám-phá. Bức thơ Oanh (tình-nhân của Chương) viết cho bạn, lời lẽ quả của một người đàn bà trăm phần trăm. Chúng tôi ít gặp ở các ngọn bút đàn ông những bức thơ viết giùm cho các nhân-vật đàn-bà, những tánh-cách đàn bà như trong bức thơ của Oanh ở *Bóng mơ*.

Còn văn-tài tác-giả *Bóng mờ*, chúng tôi có cảm-giác như nó là hình ảnh của cô dâu mới về nhà chồng: rụt-rè, dè-dặt nhưng không khỏi vụng-về!

Nhiều bạn làng văn ở Nam-kỳ bảo rằng, trước *Bóng mơ*, bà Tú Hoa, dưới một bút danh khác, đã có viết nhiều tiểu-thuyết rồi. Bảo thế là ngụ ý rằng ngọn bút Tú Hoa cũng đã quen với nghề văn lâu rồi. Nhưng các tiểu-thuyết của bà đã xuất bản từ trước đều viết theo một lối văn xưa: nghĩ sao viết vậy, không đếm-xỉa đến cú-pháp là gì cả! Ngày nay khác! Ba hành văn theo lối mới: đúng cú pháp và cốt được giản-dị, rõ-ràng.

Bước đầu của sự thay đổi lối văn hay là sự phôi-thai của một tài nghệ bao giờ cũng là giai-đoạn của ngượng-nghịu, ngỡ-ngàng!...

Điều ấy ta đã nhận thấy ở Tam-Lang, khi ông đi từ *Giọt lệ sông Hương* một diễm-tình tiểu-thuyết sang *Tôi kéo xe* một tập phóng-sự đựng lối văn tả thiệt.

Điều ấy, chúng tôi lại còn nhận thấy ở một nhà văn Nam-kỳ. Phan Huấn-Hương, khi ông đi từ *Hồn máu bỏ rơi* giải thưởng *Đuốc nhà Nam* 1925 sang *Tan-tác* giải thưởng Tự-lực văn đoàn, 1939. Quyển sau này tuy chưa xuất bản, nhưng chúng tôi được đọc qua bản thảo của tác-giả, nên mới nhận thức được giai-đoạn phôi-thai tài nghệ ấy.

Ước-mong rằng giai-đoạn phôi-thai tài-nghệ của bà Tú-Hoa rồi đi qua, để đưa ngòi bút bà đến thời-kỳ điêu-luyện... Và ước-mong rằng ngòi bút bà rồi trở nên phóng-khoáng được, để cung cho tác-phẩm bà một *sức mạnh*, mà quyển *Bóng mơ* mỏng-mảo không có!

KIỀU THANH-QUẾ

1. Lessing: — La femme est le chef d'œuvre de l'univers.

2. Lamartine: — Il y a une femme à l'origine de toutes les grandes choses

3. Nietzsche: — « Les mêmes passions sont d'une allure différente chez l'homme et chez la femme; c'est pourquoi l'homme et la femme ne cessent de se mal comprendre ».

4. *Nietzsche*: — « Dans la vengeance comme dans l'amour, la femme est plus barbare que l'homme ».

Chơi thuyền

Sông giải trăng mờ;
Một giải tương-tư.
Đưa - đẩy nhịp chèo,
Sóng nhẩy, hồn theo.
Sóng đẩy đưa chèo,
Hồn nhẩy nhịp theo.
Một giải sông mờ,
Trăng giải tương-tư.

MINH-TUYỀN

Cơn giông

Màu đen chăng lẹ tự chân trời.
Gió thổi, mây ùn ngập khắp nơi.
Hùng-hổ sấm gầm tuôn giận-dữ;
Hào-quang chớp loáng: rắn vàng chơi!

.·.

Say gió hàng cây run ngã nghiêng,
Lìa cành, theo gió, lá tìm duyên.
Bụi cao ngất-nghểu khom-khom cúi,
Dào-dạt mưa tuôn: gió lặng yên.

.·.

Nước trút từng cao nối nối rơi,
Bên đường lóng-lánh suối song đôi.
Bàng khuâng nước chảy tràn lênh-láng;
Luống cỏ tươi-tươi đẫm lẹ trời.

CÔ CẨM-LAI

Thống chế Pétain đã nói:

« Các gia-tộc có nghĩa-vụ giữ-gìn hết đời này sang đời khác những đức-tính cổ-cựu đã làm cho dân-tộc hùng-cường ».

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 86 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXIII

Hồng-nhan tự-thán (1)

. . . Ngỡ văn-phòng, biết loan-phòng,
Đã lòng ân-ái, lại lòng thương-tin.
Bén vì duyên, não vì duyên,
Anh-hùng gặp khách, thuyền-quyên bạn cùng.
Chữ tương-phùng, hợp tương-phùng,
Yên trong phối-thất, thuận trong tình-tình.
Ước ba sinh, vẹn ba sinh,
Nào hay là sự thế-tình đãi-bôi.
Vì Hà-khôi, cấm Hà-khôi,
Thời chi đến nỗi đưng ngồi lỡ duyên!
Người Quảng-xuyên, nhớ Quảng-xuyên,
Đêm đêm hằng tưởng, ngày liền ước-ao.
Ấy cớ sao, bỗng cớ sao?
Quen bề biến-cải, biết nào ái-ân!
Tin nhàn vân, phải nhàn vân,
Đã vì đen bạc, lại phần đổi thay.
Hôt chiều hôm đến chiều mai,
Nhời thưa than hỏi, tình hoài thốt chào.
Xưa nghĩa nào, nay nghĩa nào?
Xưa sao gắn bó, nay sao trễ-tràng?
Ai bày đường, khéo dọc đường,
Khiến chàng tình phụ, giục chàng sinh thưa.
Kết tóc tơ, dứt tóc tơ,
Nguyền xưa chẳng vẹn, nghĩa xưa cứ gì.
Yêu mà chi, ghét mà chi,
Yêu thì cũng đội, ghét thì cũng ơn.
Nguyện nước non, phó nước non,
Thôi thôi khéo nhỉ chàng Tôn bạc tình!
Gẫm một mình, tưởng một mình,
Mong liền dứt nghĩa, lại kinh chín lần.
Từ lúc xuân, vẹn lúc xuân,
Thiếp dầu đen bạc, chàng ngăn được nào!
Giời còn cao, tuổi còn cao,
Khi nào dung đãi, khi nao ước cầu.
Biếng xiết dâu, kẻ xiết dâu,
Nghĩa nhau mà bẻ, ơn nhau nhường nào.
Nỗt chua cay, cải chua cay,
Hiềm thay quân-tử chẳng hay xét lòng.
Nghĩa vợ chồng, đạo vợ chồng,
Chẳng lòng tin-cậy, lại lòng chê-bai.
Sự bởi ai, trách bởi ai?
Chàng toan lánh hẻ, rắp chai về nhà.
Chuyền canh ba, điểm khắc ba,
Đã vào trướng gấm, lại ra vườn đào.
Ước cung mây, tưởng cung sao,
Khi nào thề nặng, khi nào thoảng quên.
Xót vì duyên, tủi vì duyên,
Mặc chàng khinh bạc, thiếp chuyên đạo thường,
Vì toan đường, sợ hoang đường,
Con thơ ai ẵm, huyên-đường ai nuôi?
Kể khúc nhôi, thét khúc nhôi,
Mặc dầu đất thấu, giời soi biết lòng.
Đượm khăn hồng, quệt má hồng,
Thương con thơ dại, trách chồng giò-giáng.
Chàng nghe nàng bạch nói năng,
Chạnh lòng sẽ cảm, lòng hằng sẽ thương.
Quận lo lường, phút lo lường,
Kém nhân chẳng ủ, đạo thường chẳng quên.
Đứng Lê-viên, tưởng Bạch-viên,

Xem tiếp trang 20

Một tin mừng cho các bạn yêu tân-kịch

Ở xứ ta, ai là người không biết tiếng ông Claude Bourrin và hâm-mộ tài-nghệ của một người lão-luyện về kịch-trường.

Ông Bourrin tuy già, nhưng sức chẳng già. Riêng 2 năm, 1937 và 1938, ông đã từng cho diễn 120 tối về tân-kịch ở Nam-kỳ, Cao-miên, được nhân-sĩ miền Nam tán thưởng và mến chuộng nhiệt-liệt.

Thì đây, mùa đông này, Bắc-kỳ kịch-đoàn lại sẽ ra mắt khán-giả Hà-thành. Các tài-tử lành-nghề, dưới sự chỉ-đạo của ông Bourrin, sẽ diễn những vở kịch có thể gọi là tinh-hoa của văn-chương Pháp. Các giới trí-thức sẽ được món tiêu-khiển tao-nhã, mà trong độ, là phần đông thanh-niên, sinh-viên, vừa được xem, vừa được bồi bổ môn văn-chương học trong trường vậy.

Công cuộc văn hóa của ông Bourrin đã được quan thủ-hiến Đông-dương chú ý đặc-biệt. Ngài đã giúp đỡ và khuyên nên diễn thêm những vở dịch các bản kịch Pháp ra quốc văn.

Nay mai, khán giả sẽ được biết rõ về chương trình mùa kịch. Chỉ xin nói sơ, tối đầu diễn Molière, ông Thánh hài-kịch nước Pháp.

Còn về các bản dịch, nhờ tài hoa của giáo-sư Trần văn-Nguyên, khán giả sẽ được hài lòng với vở «Cái ghen của anh Tèm-tem» La jalousie du Barbouillé «Người hà tiện» L'avare vân vân.

Tóm lại, dù về kịch diễn bằng tiếng Pháp hay tiếng Nam, khán giả sẽ được một hồi nhởn phúc.

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 32 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

Những ông đỗ đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân khoa bính-tuất, năm Quang-thuận thứ bảy, 1466, từ số năm trở xuống, là những ông sau này :

5. — Đỗ-Nhuận, người xã Kim-hoa, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-hà. Đỗ năm hai-mươi-mốt tuổi. Mùa thu năm mậu-tý 1468, vua Lê Thánh-Tôn, 1460-1497, đi Lam-kinh, ông Đỗ-Nhuận cùng với ông Quách Đình-Bảo, v. v., đi theo, họa tập thơ *Anh-hoa hiếu-trị*. Năm Hồng-đức tân-mão 1471, thăng Đông-các hiệu-thư. Mùa đông năm quí-mão 1483, cùng với ông Thân Nhân-Trung, v. v., soạn bộ *Thiên Nam dư-hạ tập*. Rồi thăng Đông-các học-sĩ. Mùa thu năm giáp-thìn 1484, cũng cùng với ông Thân nhân-Trung, v. v., soạn văn bia đề tên tiến-sĩ. Năm ất-mão 1495, vua Lê Thánh-Tôn tự gọi là Tao-đàn đô-nguyên-súy, tức là nguyên-súy đàn thơ, lấy ông Đỗ Nhuận và ông Thân Nhân-Trung làm phó-nguyên-súy : phàm những thơ của vua và từ-thần thù-phụng đều thuộc hai ông phê-bình. Bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê Quí-Đôn (sách viết của Trường Bác-cổ, số A 1262 quyển 11 tờ 13a-16a) còn sao được 12 bài cận-thể của ông Đỗ-Nhuận, toàn là những bài « phụng-họa ngự-chế », đề là *Tự-gia tướng-sĩ*, Tướng-sĩ nhớ nhà, *Anh-tài tử*, vịnh người anh tài, *Du Lục-vân động*, chơi động Lục-vân. *Bách cốc phong đăng*, trăm giống thóc được mùa, *Quân đạo*, đạo làm vua, *Thần-tiết*, tiết làm tôi, *Pháp-cung ngẫu thành*, qua trường-hình, *Dao tưởng anh-hiền*, tưởng tượng người anh-hiền, *Kỳ-khí* điềm lạ, *Thư-thảo hỉ thành*, tức cảnh nơi đọc sách, *Văn-nhân*, *Mai-hoa* Năm quí-sửu, ông Đỗ-Nhuận thăng Hàn-lâm-viện thị-độc, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, Lễ-bộ thượng-thư : lúc ấy bốn-mươi-tám tuổi. Mùa đông năm ất-mão 1495, vâng mệnh họa bộ *Quỳnh-uyển cửu ca*. Về bộ này, *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*, quyển 24, tờ 17 b chép rằng « Vua Lê Thánh-Tôn, nhân đời thái-bình năm được mùa, ngoài thì giờ nhất nhật vạn cơ, làm ra tập thơ, chia từng mục : một là *phong-niên*, năm được mùa, hai là *quân-đạo*, đạo làm vua, ba là *thần-tiết*, tiết làm tôi, bốn là *minh-lương*, vua sáng tôi hiền, năm là *anh-hiền*, sáu là *kỳ khí*, điềm lạ, bảy là *thư-thảo*, cỏ thư thảo, tức là cảnh chỗ đọc sách, tám là *văn nhân*, chín là *mai hoa*. Hợp theo vần đề ca vịnh, gọi là *Quỳnh uyển cửu ca*. Vua Lê Thánh Tôn tự chế bài tựa, tự xưng là Tao-đàn nguyên-súy, cho Đông các đại học sĩ Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận làm phó nguyên súy... Hai mươi tám người nối theo họa vần, gọi là Tao đàn nhị thập bát tú, 28 sao trong đàn thơ ». Về tập *Anh hoa hiếu trị* nói trên kia, bộ *Khâm định Việt-sử*, quyển 21, tờ 12 a, chép rằng : « mùa thu tháng tám năm Quang-thuận thứ chín, tức là năm 1468, vua Lê Thánh tôn ngự Lam-kinh, cùng hoàng-thái tử và Kỳ-quân công Lê-Niệm, tụng thần Lê Hoằng-Dục, Đỗ Nhuận, Quách đình Bảo, vua tôi « canh ca », nối vần làm tập thơ *Anh-hoa hiếu-trị* » tiểu-sử chép theo quyển *Thiên-Nam lịch triều liệt chuyện đăng khoa bị khảo* của Phan-hòa-Phủ và Phan-huy-Sang, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 485 quyển *Kinh-bắc*, tờ 68a ; *Toàn-Việt thi-lục*, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 13a).

6 — Nguyễn-văn-Thông, người xã Xuân-hi, huyện Kim hoa, phủ Bắc-hà. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa bính tuất năm 1466. Làm quan đến thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, tờ 68b).

7. — Nguyễn-Chương, người xã Thiên-đông, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu. Ba-mươi-mốt tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa bính tuất năm 1466. Làm quan đến Thiêm đô ngự sử. Là con Nguyễn duy Tắc : phụ tử đăng khoa (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn nam*, tờ 68b, và *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14b),

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-kheo kinh Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10 °/. làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25 °/. và khỏi cước

Thơ đề :

M. ĐOÀN-TRUNG-CÒN

143 - Rue de Louvain, Saigon

Nhà in Tri-Tân

70, Bạch-mai Hanoi zône

nhận in đủ các việc

MỘT GIỜ VỚI NHÀ VĂN SONG-AN

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

LÊ-THANH

Có lẽ là một sự khó tính mà chúng tôi cần xin lỗi với những văn-nhân và thi-nhân mà chúng tôi đã được nghe chuyện là chúng tôi ước-ao được nói chuyện ngay trong buồng làm việc trước một bàn giấy đầy những tập bản-thảo, những mẩu tài-liệu, sách vở....., ở đấy tính tò mò của chúng tôi có khi được thỏa-mãn, chúng tôi có thể biết qua được một vài thói quen của nhà văn, một vài công việc đang làm và xắp làm của nhà văn... Thứ nhất chúng tôi được ở trong cái « bầu không-khí » của nhà văn.

Sự khó tính ấy đã làm cho tôi, khi sang thăm Song-An tiên-sinh, suốt từ đầu câu chuyện cho đến lúc ra về, thấy nghượng-nghịu... Vì tiên-sinh tiếp chúng tôi ở buồng khách, một căn phòng rộng rãi, trang-hoàng rất lịch sự theo kiểu Á-đông.

Nhìn xung-quanh hình như thấy thiếu một cái gì... Chúng tôi tìm một cảnh « trời biển mênh-mông » có thể nhắc chúng tôi tới cảnh « *mênh-mông sóng rợn trên trời* » và cuộc ngạo du lãng-mạn của cặp tình-nhân *bất-tử* ở bãi bể Đồ-sơn hơn hai mươi năm về trước. May chúng tôi còn thấy một bức tranh thủy-mạc, bằng một vài nét, họa một cảnh đêm trăng, nhắc thầm trong trí nhớ chúng tôi câu « đêm thu trăng tỏ »

Chúng tôi quên rằng tiên-sinh không phải chỉ là một nhà văn, tiên-sinh là một vị giáo-sư mấy năm trước đây kiêm giám đốc các trường Cao-đẳng tiểu-học và tiểu-học ở tỉnh-lỵ Bắc-ninh, và có lẽ vì chức nghiệp tiên-sinh phải tổ chức sự sống hợp với địa-vị xã hội của tiên sinh hơn là hợp với cái tự-do của tâm-hồn lãng mạn của tiên-sinh.

— .....

— Tôi sinh ngày mồng mười tháng ba năm 1898, tức là ngày *18* tháng hai năm Mậu-tuất ở làng Đông-thái, phủ Đức-thọ tỉnh Hà-tĩnh. Từ nhiều thế-hệ, nhà tôi vẫn giữ được cái cựu-truyền về khoa cử và văn học. Vỡ lòng tôi học chữ nho với các ông tú,-ông cử trong làng là chỗ chú bác anh em thân thuộc.

Năm 13 tuổi, thấy sự học chữ-tây đã thịnh mà trong chúng tôi thì chữ nho còn trọng-dụng lắm, tôi ra Bắc bắt đầu học chữ Pháp ở một trường tư ở ấp Thái-hà. Trường của cụ Bùi-Đình-Tá, một trường tư rất lớn, có một đặc-sắc là học trò hầu hết, nếu không phải là ông ấm thì cũng là con một nhà giầu về thời bấy giờ. Mới vào, tôi chỉ là một cậu bé nhà quê còn để chỏm bên những *ông* học trò có búi tóc, có râu ria. Phần nhiều là lưu học sinh, sáng đến có ông còn được người nhà đem vào trường cho cái điếu và ấm nước trà tầu để các ông « điểm tâm ». Tối đến, có ông mở cửa đi tiêu-khiển ở phố ấp.

Nói thế, ông chớ tưởng trong trường quy-củ không được trọng, sự học không được tấn tới. Cụ đốc Tá và mấy cụ giáo khác, thuộc phái tân học mà có vẻ nho phong rất đạo mạo và tận tâm nên học trò kính sợ lắm.

Riêng về sự học của tôi, thấy rất tấn tới, sau hai năm tôi đã vượt mấy lớp, kể cả lớp nhi—hồi bấy giờ không có học bạ, không có hạn một năm mới lên lớp.

Sau tôi ra học lớp nhất trường Hàng Vôi tức là trường Nguyễn Du bây giờ, cùng một lớp với Tú mỡ Hồ trọng Hiếu.

— *Trong khi nói truyện với ông Tú-Mỡ, chúng tôi có được nghe nhà thơ trào phúng này nói đến tiên-sinh nhiều lần, thứ nhất là về thời-kỳ học trường Bưởi. Chắc quãng đời ấy có nhiều cái lý-thú ?*

— Phải tôi học với ông Hiếu từ năm ấy cho đến hết bốn năm trường Bưởi... Ngay ở trường hàng Vôi, ông Hiếu là một học trò nhỏ nhất lớp, rất thông-minh, có cái tính tinh nghịch, tự-chủ .. trêu hết bạn đến thầy. Sau này ông trở nên một nhà thơ trào-phúng cũng không lấy làm lạ...

Sau khi đỗ bằng Sơ học, tôi vào trường Bưởi. Vẫn được là học trò khá quốc văn Ngay từ năm đầu chúng tôi đã chuyên luyện tập Pháp văn và quốc văn chăm lắm.

Về Pháp-văn, chúng tôi học cụ Dufresne —chúng tôi vẫn gọi cụ là «Phẻn» — cụ là một giáo-sư có đặc tính của một nhà thông-thái, một triết nhân. Cụ có những phương-pháp dạy văn-chương riêng của cụ. Một bài ám-tả với ba câu mà cụ giảng hết ngày ấy đến ngày khác' ai chịu khó học có thể hiểu rất rõ về văn-phạm. Cụ biết chữ nho, giỏi tiếng Nam, rất thông thạo về phong-tục, lịch-sử, địa dư của ta. Tôi thường được cụ dắt về *các vùng nhà quê* ; có kỳ nghỉ hè đi luôn ba bốn tuần lễ.

Gặp một nơi chùa cổ, một cảnh nhà quê cụ thích, cụ đứng hàng giờ ngoài nắng, cụ vẽ... Vẽ thấy chưa đủ tả hết cái tinh thần của nó, cụ ghi chép .. Đến bữa, đói, cụ cũng ăn cơm an-nam, hoặc vào chùa kiếm phẩm oản quả chuối ăn thế là đỗ.

Nhà cụ là mấy túp lều tranh ở bờ hồ Tây. Cụ tưởng ở giản-dị thế cho hợp với tư-tưởng của cụ, không ngờ có hai cho cụ không biết bao nhiêu : nhà cụ cháy, tất cả tài-liệu của cụ sưu-tập được cháy hết ! Cụ chán-nản buồn-rầu.

Tôi học chữ Pháp cụ. Chữ tôi học được có lẽ không đáng kể bằng cái phương-pháp làm việc của cụ mà tôi lĩnh-hội được.

Về Việt-văn, chúng tôi có các giáo-sư như cụ Huấn Đan, cụ Bảng Mộng, cụ Tú Tiệp... Các cụ tuy dạy chữ nho nhưng thường khuyến-khích chúng tôi về quốc-văn nhiều lắm. Trong những giờ học, không những các cụ dạy về văn quốc-ngữ mà còn giảng về văn-hóa cho chúng tôi nghe. Thứ nhất là cụ Huấn Đan — cụ đã qua Trung-hoa, Nhật-bản — cụ là một bực học rộng, biết nhiều, lại có tâm huyết đối với tiền đồ quốc-học. Thường cụ cho chúng tôi đến nhà cụ, một cái gác con ở đường Yên-phụ, hầu

chuyện cụ. Những câu chuyện thân-mật ấy đã bổ ích cho chúng tôi hơn là những bài học ở trường. Cụ đã làm cho chúng tôi biết yêu cái văn-hóa cũ của nước nhà...

Trong số bạn học chúng tôi có mấy anh em mà anh Nguyễn Pho là một, rất thích quốc-văn, chúng tôi cùng nhau luyện-tập, có khi quên cả các bài khác ở trường. Bao nhiêu văn thơ nôm, cổ, những truyện *Kiều*, *Phan-trần*, chúng tôi thuộc gần hết. Chúng tôi lại học thêm chữ nho đọc thêm sách nho nhiều. Gặp kỳ thi Hương cuối-cùng ở trường Nam, các thầy và bạn bảo tôi lều chiếu một phen, nhưng tôi không dám thử.

— . . . . . .

— Riêng về tôi thường làm bài luận nào cũng được các cụ giáo khen, được đem đọc cho cả lớp nghe. Không những thế, có bài của tôi truyền từ lớp nọ đến lớp kia, có khi hàng tháng mới thấy nó giở lại với mình, lúc bấy giờ thì giấy đã nhầu, mực đã nhạt. Nhiều bài sửa qua loa rồi các bạn đem đăng báo dưới tên ký « Song-An ». Đại khái như bài « *Cảm tình đối với phong-cảnh Hồ Tây* » là một bài luận làm ở trường, mà hiện nay tôi còn giữ được

Tôi nhớ một lần rạp hát Sân-nhiên-đài thi thơ. Một cuộc thi cổ-động râm-rộ hồi đó các bạn khuyên-khích tôi gửi bài dự thi. Ít lâu sau, tôi nhận được giấy mời ra lấy thưởng và nghe bình văn, xem diễn kịch.

Lúc tôi xin phép ông đốc để ra đêm. Ông ngắm tôi một lúc rồi hỏi : « Chính anh » ? Chắc ông cho là trẻ con thì biết gì thơ với phú. Tôi đưa giấy ông xem, thì ông cho phép ra, và thêm một câu khuyến-khích.

Lúc tôi vào cửa rạp hát, các người coi việc cũng có ý ngạc-nhiên, tưởng như tôi đi lĩnh thưởng hộ người nhà.

Lúc vào một khán-đài trần-thiết rất lịch-sự riêng cho các thi-sĩ trúng cách, tôi nhận thấy có ông râu dài, có cụ tóc bạc. Mà hình như các cụ không để ý đến tôi, Chắc các cụ cũng nghĩ như các ông coi việc lúc nãy. Tôi rất ngượng-nghịu và có vẻ tự-hào ngây-thơ : được ngồi cùng các cụ.

Sau cuộc bình văn và trước khi nghe hát, có người đưa lên cho tôi hai cái bút, một tập hoa-tiền và hình như chế với pháo nữa Phần thưởng đơn-sơ của « cậu thi-sĩ » bé-nhỏ !

Lúc về trường, các bạn xúm lại, mỗi người lấy một tờ giấy hoa và bắt mở chè ra « khao » với bánh đậu « Tư-lý » hàng Bạc.

Tôi nhắc lại là để ông biết rằng những cuộc đắc-thắng con-con ấy làm cho các bạn thêm nức lòng về Quốc-văn và qui-yêu tôi như một đại hiền làng văn của Trường Bưởi hồi đó.

Vì có cái khiếu về văn chương, và một phần vì lúc nào tôi cũng giữ được dáng-điệu điềm-tĩnh, nên anh em trong trường tin yêu, không có mấy việc quan-hệ mà không hỏi đến tôi : những công việc xã-hội trong cái xã-hội nhỏ là trường Bưởi, phần nhiều có tôi dự.

Năm tôi học năm thứ tư thì có một anh trong trường nghèo quá, phải làm thuê cho nhà người ta lấy cơm ăn : đi học về anh phải làm-lụng vất-vả. Việc đến tai bà đốc Donnadieu. Bà cho anh vào làm lưu học-sinh nhưng không bắt trả tiền. vì sự đối đãi đặc biệt ấy mà trong trường có người khinh anh, thứ nhất là một ông giám-thị. Có lần ông này làm nhục anh ta. Các bạn xúm lại phản-đối. Rồi từ tháng ấy anh em mỗi người một hào, người dấm xu góp lại đủ tiền cơm tháng cho anh ta.

Nhân việc ấy, chúng tôi nẩy ra ý lập ra một hội gọi là « *Tân cựu học sinh ái-hữu* » mục đích giúp-đỡ anh em. Tôi được bầu làm hội-trưởng trong ban trị-sự tạm thời, lập một khán đài trong vườn trường lên diễn thuyết cổ-động cho hội. Bài diễn-thuyết được hoan nghênh. Ngay sau cuộc diễn thuyết, số học - sinh xin nhập hội có đến ngót nghìn người.

— . . . . .

— Hội làm được nhiều việc hay. Tôi còn nhớ một anh học rất giỏi nhưng nhà nghèo quá. Anh được phần thưởng mấy ngày sau được ra nhà hát tây lĩnh, nhưng quần áo rách tơi. Hội may một cái áo trắng dài, và khi vắng anh, anh em để áo ấy vào trong tủ ban với mấy chữ : « hội biếu anh để mai anh mặc ra lĩnh thưởng » Sau hội bị giải tán vì chúng tôi « chưa đến tuổi » điều « khiến một hội như thế.

— *Nghĩa là tiên - sinh bắt đầu làm việc xã-hội và làm văn từ khi còn là một học-sinh trên trường Bưởi !*

— Vâng, hồi đó chúng tôi rất hăng hái, sốt-sắng về công việc xã-hội, nhất là đối với những bạn nghèo, những người thất học, hoặc những người phải chịu mọi nỗi bất công. Chúng tôi có những cái ngưỡng-vọng viển-vông, ngây thơ mà cảm động của tuổi thanh-niên. Có nhẽ chúng tôi được cái ảnh-hưởng xinh đẹp của trường Bưởi bên cạnh hồ Tây, nên việc làm của chúng tôi được nhiều người để ý ? Lại thêm mấy bài văn đăng báo, mấy cuộc thi thơ v.v. nên nhiều người biết đến. Những anh « tai mắt », mỗi anh có một tên hiệu. Anh em cứ thường gọi tôi là Song-An, ít khi gọi đến tên chính.

Hồi này là buổi thiếu thời để lại cho tôi rất nhiều tình cảm, rất nhiều di-tích êm-đềm đối với thày, với bạn. Có nhẽ nó hơn hết cả những lúc khác ra đời, nên khi xa trường có dịp nhớ đến cảnh cũ người xưa, là tôi nhắc lại.

Nói đến đây, tiên-sinh đọc lại một câu tả trong quyển tiểu-thuyết *Tố-Tâm* :

« Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi bên cạnh hồ này, chiều chiều tan học mấy anh em ra đứng bờ hồ, ném thia lia, thả thuyền giấy, cười đùa hớn-hở phong cảnh xem như hững cợt với mình mà hôm nay, vẫn mặt nước kia, vẫn đa giới ấy, núi Tam-đảo vẫn lờ-mờ đường xa, chiếc thuyền vẫn vẫn từ từ qua lại... »

Sau khi ở trường Bưởi ra, tôi vào học ban Văn-chương trường Cao-đẳng Sư-phạm. Ở trường này, công việc văn chương — thứ nhất là Việt văn — có phương-hướng hẳn. Chúng tôi ít làm thơ, chuyên viết văn xuôi, hăng hái nghiên cứu tìm một lối để dung hòa hai văn-hóa Đông, Tây ; nói hẹp lại, là hai văn-hóa Pháp-Việt, trong phạm-vi văn-chương, luân-lý, giáo-dục... Khi làm việc, chúng tôi luôn luôn được trực-tiếp với các bực đàn anh : cụ Vĩnh, cụ Quỳnh, cụ Tố v. v. Ở trường Bắc-cổ, chúng tôi để bạn Nguyễn-Pho ; ở Nam-phong, bạn Hoàng Tích-Chu. Tuy bận nhiều công việc trong trường, chúng tôi vẫn giúp mấy tờ báo. Hồi đó tôi viết nhiều trong các báo chí, nhất là Nam-phong, đã có nhiều cuộc bút chiến về tư-tưởng Đông, Tây. Cái đề-mục « *Văn chương với nữ giới* » kéo dài ra đến mấy tháng.

Còn nữa

LÊ THAN H

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 2

NHẬT-NHAM

TRƯỚC khi từ - biệt sở Kho-bạc, tôi có mua hai vé sổ số, tình - cờ mỗi vé lại trúng 10p000 : Thêm 20p00 vào khoản lộ-phí. Thực là thành Tuyên đãi khách qua đường !...

Cơm trưa xong, nghỉ - ngơi một lúc, chúng tôi được cái vinh - hạnh tiếp-kiến các bạn Tuyên - thành. Nhiều ông quá yêu, tới thăm. Có ông lại cho đem cả máy hát đến cho nghe nhiều bài du-dương để mua vui cho qua cơn nóng nực.

Đến 3 giờ chiều, nắng đã dịu. Chúng tôi mới bắt đầu đi thăm các nơi trong tỉnh. Dạo qua các phố, thăm các đền - đài miếu-vũ, lượt xem các công sở dinh thự, di tích hành xưa, 2 chợ Tam cờ, chúng tôi xuống đò sang sông thăm trường Canh-nông.

Sau mấy ngày mưa rừng, nước lũ chảy về, mặt nước sông lên cao, giòng nước sông chảy siết, nên qua sông rất nguy - hiểm và vất - vả. Thuyền phải chở ngược men sông lên tới một quãng thực xa mới đẩy sang ngang. Sang tới bên kia, thuyền vừa xuôi tới bến. Theo dọc sông, có nhiều nhà bè sinh-nhai về nghề chài lưới. Nước lũ chảy về có đem theo nhiều gỗ mục, nhiều thân cây. Dân vạn được dịp tranh nhau vớt gỗ, cưa ngay trên nhà bè, làm củi đưa sang tỉnh bán lấy tiền. Lái đò cho hay : mấy ngày trước, tự nhiên có nhiều cá chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước trôi về, ai cũng cho là quân vua Thủy-tế bị Sơn-thần giết hại, nên không ai dám vớt, ăn thịt.

Đứng bên này sông, trông sang tỉnh, phong cảnh thực rất hữu tình. Một phố buôn bán chạy dài theo dọc bờ sông, một dãy cây-cối thẳng hàng, dưới thì giòng sông Chảy cuồn cuộn buông xuôi, trên bến, dưới thuyền, sơn thủy thuận tiện, đủ phô ve phồn thịnh của một tỉnh miền sơn cước. Nhà phố đều làm trên nền rất cao, vì đôi khi có năm lụt to, nước tràn ngập tỉnh, nếu nhà thấp, không sao tránh nạn thủy tai được. Cách đây mấy năm, lụt to, nước tràn vào một hiệu khách ngâm cả vào các thùng đựng đất thắp đèn. Đất bị ướt, nổ rất dữ, gây thành bao tai nạn : hại người và tài sản. Vì thế, ngày nay, ai cũng lo đề phòng nạn thủy tai.

Ngắm cảnh Tuyên - thành xong, chúng tôi đưa mắt tới ngọn núi đá cao trên tả-ngạn sông Chảy. Hỏi ra thì núi này là núi Giùm. Trên ngọn còn di - tích pháo - đài của binh-sĩ bảo - hộ phòng - vệ. Lại có nhiều hang sâu, có nhiều hầm. Tục truyền là dấu - vết công - việc khai mỏ kẽm từ triều Tự - đức (1848-1883). Dưới chân núi Giùm, có đền Thượng thờ vị âm-thần. Hằng năm, đại-lễ vào ngày 12 tháng 2 và tháng 7, khách đường xuôi tới chiêm-bái rất đông. Trong đền có hai pho tượng : một pho bằng gỗ và một pho bằng đồng bạch đựng từ niên - hiệu Cảnh - hưng (1740-1786).

Cách đền không xa, là bến Trường - đà, có đồn, có nhiều nhà tây. Trước kia ở đấy, người ta có khai mỏ kẽm, nên rất sầm-uất ; ngày nay công - việc khai khoáng tạm đình, nên đồn Trường-đà mất vẻ đông vui. Tuy vậy, Tuyên - quang miền nay còn một mỏ than đá đương khai gần tỉnh-lỵ.

Sau khi tầm con mắt đã được phóng xa quanh miền, chúng tôi kéo nhau lên thăm trường Canh-nông.

Một con đường đất rất thẳng đưa chúng tôi tới khu-vực nhà trường. Hai bên là đồi, cây cối xanh um, dần dần vào sâu, đường đi lại chia làm nhiều chi-nhánh, lấy tên các vị ân-nhân của nhà trường đặt làm kỷ-niệm, như allée Louis Duport 1885 - 1927, allée Charles Lemarie 1886-1823, allée Barthélemy Pidance 1874-1936, allée Jean Laforest 1904-1935, allée Auguste Gachon 1877-1923 vân vân. Những đường này chia địa - thế làm nhiều khu, mỗi khu giồng riêng một thứ cây như cà-phê, trè, sắn, mía, thầu-dầu, vân vân, do học-trò trường Canh-nông tự chăm - nom vun sới, vừa học trong học-đường, vừa học trên mặt ruộng. Chúng tôi được mục-kính các học - sinh đóng vai nông - dân, chú-ý đến công việc bổn-phận một cách vui-vẻ, tận tâm.

Rải - rác trên các đồi núi, có nhiều nhà cho các viên-chức tây-nam lưu-trú.

Theo đường Jean Laforest, vào tới xưởng để các diền - khí hoặc chạy bằng động - cơ hoặc dùng nhân-lực. Có nhiều đàn-bà, con gái ngồi nhặt hạt cà-phê đem ủ Cà-phê và trè sản-xuất tại khu-vực trường Canh-nông đều bán lấy tiền sung công để chi vào các phí khoản nhà trường. Trong xưởng có nhiều bò, ngựa dùng vào việc cày bừa và vận - tải.

Một cảnh ở Chiêm-Hóa (*Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân*)

Ở xưởng ra, chúng tôi gặp ông giám-thị nhà trường. Ông có mời vào nhà riêng gần đấy để nghỉ chân. Nhà ông làm trên ngọn đồi cao ráo, không - khoáng, có máy nước vào tới trong nhà, có quạt điện, đèn điện. Ông có cho biết thường-nhật hổ báo vẫn thường về thăm nhà ông.

Có hôm, sáng còn thấy vết chân và lông hổ trước thềm nhà. Nhân đó, tôi lại nhớ một chuyện của một ông bạn kể lúc trưa : trong đồn-điền của ông, có nuôi nhiều trâu, ngày vẫn thả trâu vào rừng ăn cỏ. Một hôm, một con hổ nhảy ra định ăn thịt một con trâu mộng. Con trâu cũng không vừa, chống nhau với hổ, hai con đánh nhau từ sáng đến chiều, khi người nhà tới, thấy trâu húc đầu xuống đè hổ chết bẹp dưới đất, bèn gọi nhau khiêng hổ và dắt trâu về. Nhà điền-chủ lột da hổ đem phơi trên một tảng đá to. Một ngày kia, trâu qua chỗ ấy, tưởng là hổ thực, cứ lấy đầu húc xuống da hổ, đến nỗi đầu chạm vào tảng đá mạnh quá, vỡ ra mà chết ! Thế là trâu và hổ cùng chung một số - phận...

Vị - trí trường Canh - nông có 800 mẫu tây vừa ruộng đất, vừa đồi núi, vừa rừng rậm, không phải đóng thuế. Sở Kiểm - lâm không phải trông nom miền rừng núi này, chỉ trừ khi nhà trường đem củi gỗ ra ngoài địa hạt, mới phải dùng đến giấy thông hành của sở Kiểm - lâm.

Sau khi ở nhà ông giám thị ra, chúng tôi tới tham sở Tằm tang là nơi lựa trứng tằm, cho ấp lấy kén, hoặc bán trứng đi các nơi.

Kén tốt chọn được giải ra nong để trong « buồng ngài » sức nóng chung quanh bên ngoài bao giờ cũng giữ tới 250 độ.

Độ 8, 10, 12 ngày, con nhộng hóa ngài, cắn kén bay ra ngoài. Ngài đực, ngài cái giao - cấu nhau trong 8 đến 10 giờ đồng hồ.

Giao - cấu xong, ngài cái được nằm trên một mảnh gỗ, lấy phễu úp lên trên cho đẻ trứng.

Sau khi ngài đã đẻ được 24 giờ, người ta dùng kính hiển-vi soi có thể biết được con ngài ấy có bệnh hay không.

Sở Tằm bao giờ cũng để sẵn chậu bằng thủy tinh ngay cạnh con ngài ; lấy chậu ấy nện lên con ngài, rồi lấy máu ngài đem ra soi : Nếu máu có những vết đỏ tròn thì trứng ngài tốt. Trong máu có vết đen hình bầu - dục thì con ngài bị bệnh *gai*. Máu vàng như nghệ và có những hạt như hạt kê, thì ngài có bệnh nghệ. Bệnh đủng là bệnh đau ruột do ăn lá dâu không tiêu ; trong máu có những vết giải như cái kim. Tằm ăn phải thứ nấm rất nhỏ thường mắc phải bệnh *khương*, Bệnh này chỉ phát-xuất lúc thời tiết ẩm thấp.

Chiếu kính hiển vi xong, những trứng tốt có thể đem bán hoặc phát đi các nơi.

Ở nhà Tằm ra, chúng tôi qua trường học Canh-nông. Trường rộng rãi mát mẻ, trong sân có nhiều cây to, bóng cả. Thực là một nơi tĩnh-mịch đã đào tạo được biết bao nhân tài trong nông giới.

Trường học dựng gần bờ sông ; từ trường xuống đến bến đò không bao xa.

Sang sông, về tới nhà, vừa tối, Tình cờ, được gặp mấy ông bạn trước kia cùng tòng sự ở Hưng-yên mới đổi lên Tuyên-quang. Các ông biết tin tới thăm Anh em lâu ngày xa cách nay được họp mặt, câu chuyện không thiếu vẻ nồng - nàn.

Bữa cơm chiều hôm ấy đã họp tất cả một số bạn thân quanh một chiếc bàn, đủ tỏ rằng tại miền sơn cước, tình đối với nhau có thân hơn ở các tỉnh trung-châu. Cũng chỉ vì chút thân-tình như thế, cho nên đối với người xa đến chơi, các bạn cũng tỏ vẻ đậm-đà. Một ông bạn có lòng tốt tặng một chai rượu vang của ông trữ được từ lâu. Tôi ở Hà-nội không được rượu vang vẫn thường khao khát, ngẫu nhiên tới Tuyên-thành được uống rượu vang, kể cũng là một sự may trong các cái may khác vậy...

Cơm xong, cùng các bạn đi tản bộ, nhân xem phong-cảnh Tuyên thành trong đêm tối. Tuyên-thành dưới ánh sáng các ngọn đèn điện, không đến nỗi âm - thầm, hưu-quạnh. Lại thêm có binh-sĩ Tây Nam qua lại, nên phố-xá có vẻ tấp nập. Nhà chớp bóng, giạp hát đông vui ; ca lâu, tửu - điếm, các hàng tạp-hóa mở cửa tới khuya.

Vì sáng hôm sau, chúng tôi khởi hành đi Chiêm - hóa sớm, nên khi qua hãng ô-tô Chiêm - hóa, chúng tôi ghé vào lấy sẵn hai vé trước để giữ chỗ. Ông chủ ô-tô là người quen thân, nên tính giá « nội », chỉ lấy 3p.00 một vé, trong khi hành khách lại phải trả 3p.50 mà có khi xe đông, phải 4p.00, 5p.00 không chừng.

Sau khi từ biệt các bạn tôi về nhà lấy giấy bút ghi chép các tài liệu về lịch-sử tỉnh Tuyên-Quang, xin lược thuật dưới đây để độc-giả nhân-lãm,

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Thời-đàm

Trở lại vấn-đề Liên-Mỹ và CHỦ-NGHĨA MONROE...

(*Tiếp theo và hết*)

VỀ sau, vua Tây-ban-nha và vua Pháp có hải quân Pháp và các nước trong « hiệp ước Liên-minh thần-thánh » ủng hộ, quyết định đem quân sang đánh Nam-Mỹ để hàng phục các nước phiến-loạn.

Đứng trước tình-thế ấy, các giới Hoa-kỳ tỏ vẻ khó chịu. Nước Anh sợ nước Pháp sẽ trở nên cường-thịnh, sau khi đã được quyền kiểm-soát Tây-ban-nha và Nam-Mỹ, bèn ngỏ ý muốn cho Tân-thế-giới dựng lại thăng-bằng cho nền chính-trị Cựu-thế-giới và quyết-định ngăn-cản không cho nước Pháp kiểm-soát xứ Ấn-độ một khi Pháp có quyền kiểm-soát Tây-ban-nha. Nước Anh thông-cáo cho Đại-sứ Hoa-kỳ bản quyết-nghị ấy. Tổng-thống Adams và Monroë dựa vào ý-kiến ấy, rồi lập riêng chủ-nghĩa cho Mỹ châu.

Tuy vậy, trong bản công-điệp 1823, James Monroë không muốn Anh và Mỹ cùng hành-động, mà chỉ muốn đứng riêng độc-lập.

Sau khi công-bố : Hoa-kỳ không có ý dự vào các cuộc phân-tranh của Âu-châu mà chỉ khi nào quyền-lợi bị uy-hiếp, mới can-thiệp. Tổng-thống Monroë lại công-bố thêm : vì muốn giữ tình hòa-hiếu giữa Hoa-kỳ và các « cường quốc liên-minh », nên cần phải chú-ý đến quyết-nghị của các cường-quốc ấy : các nước ấy bành-trướng thế-lực đến một khu-vực nào ở Tây-bán-cầu, cuộc trị-an và nền hòa-bình Hoa-kỳ sẽ bị nguy-ngập.

Bản công-điệp Monroe không chú-ý đến toàn-thể Âu-châu mà đến cuộc hành-động của các « cường-quốc liên-minh ». Các cường-quốc này phải chăng là các nước trong « hợp-ước liên-minh thần-thánh » ? là những nước theo đuổi chính-sách khiêu-khích ? Các nước này đã từng tham-dự vào nội chính Tây-ban-nha, khôi phục lại ngôi báu cho vua Ferdinand. Vì vậy Hoa-kỳ sợ các nước ấy bành-trướng thế-lực đến một khu-vực nào ở Bắc-Mỹ và Nam-Mỹ, sẽ làm cho cuộc thái-bình thịnh-trị của mình nguy ngập.

Chủ-nghĩa Monroe không phải là bản tuyên bố chống lại Âu-châu, mà chỉ chú-ý đến chủ-nghĩa khiêu-khích, có hại cho cuộc trị-an Hoa-kỳ. Chủ-nghĩa khiêu-khích ấy mà còn thực-hành ở bên kia bờ Đại-tây-dương, thì còn chưa có ảnh-hưởng gì đến Hoa-kỳ, nhưng một khi chủ-nghĩa ấy đã tràn lên Tân-lục-địa, Hoa-kỳ sẽ bị uy-hiếp. Vì vậy, nhời tuyên-bố chỉ có mục-đích để cảnh-cáo các cường-quốc trong hiệp-ước Liên-minh thần-thánh, chứ không phải cảnh-cáo toàn-thể Âu-châu.

Muốn cho các nước ấy lánh xa Mỹ-châu, Tổng-thống Monroe công bố : tại Tân-lục-địa không có một nước nào bỏ không.

Những cuộc tranh luận về xứ Alaska là một dịp để phát biểu nhời tuyên bố : lục-địa Mỹ-châu, nhờ được nền độc lập và tự do của các dân tộc đã gay được và đương muốn duy-trì, sẽ không thể là một giai đất để một cường quốc Âu châu đến xâm chiếm làm thuộc địa.

Nhời tuyên-bố ấy cho ta hiểu tham-ý là các nước tự-do và độc-lập ở Mỹ đã phân-chia châu Mỹ (trừ các thuộc địa của các cường-quốc Âu-châu đã chiếm từ trước) và từ đó về sau, không còn nước nào có thể dùng võ-lực để chiếm thuộc-địa trên đất Mỹ-châu nữa.

Nhưng đến năm 1840, một phong trào ái-quốc tràn khắp Hoa-kỳ. Cuộc hợp tác với Anh để chiếm xứ Orgon, cuộc chiến tranh với xứ Mễ-tây-cơ để chiếm Texas, cuộc nội biến tại Âu-châu, việc dân Đức và Áo bị trục xuất khỏi nước rồi di cư đến Hoa-kỳ, sự tự tín có một lực lượng mạnh hơn xưa, bao nhiêu thứ ấy đã đưa dân quốc Hoa-kỳ đến con đường chiến tranh...

Tổng thống Polk lục bản tuyên bố Monroe hiện nằm trong văn khố từ lâu, rồi thay đổi hẳn ra tinh cách khác. Trước tuyên bố để cảnh cáo các nước khiêu khích thì nay đổi lại tuyên bố cảnh cáo tất cả Âu-châu.

Tổng thống Polk tuyên bố như thế không phải không có mục đích. Ba năm sau, năm 1848, chính phủ Yucatan xin nhường xứ Yucatan cho Anh, Tây-ban-nha hay Hoa-kỳ. Trong nhời tuyên bố về việc này, Tổng thống không những không nhận để một nước Âu-châu nào kiểm soát và áp chế các nước Mỹ-châu và xâm lấn đất đai để đặt thuộc địa, mà cũng không công nhận để các nước Mỹ-châu tự ý xin đặt dưới quyền đô-hộ một nước Âu-châu nào.

Như vậy là Tổng thống Polk đã phạm vào chủ-quyền các dân tộc Mỹ châu một cách chuyên chế.

Chủ nghĩa ấy thường vẫn coi là chủ nghĩa Monroe, nhưng đúng hơn, phải gọi là chủ nghĩa Polk.

Một cường-quốc chiếm một khu-vực tại Mỹ-châu sẽ mất tình thân-thiện !

Năm 1858, nước Pháp và nước Anh quyết-định đem quân giúp Chính-phủ Nicaragua bình giặc bể. Hoa-kỳ phàn nàn sự can-thiệp ấy sẽ làm cho tất cả dân-tộc Mỹ-châu

nổi lòng công-phẫn, vì hai cường-quốc Pháp-Anh đã giúp Nicaragua, tất nhiên có thể kiểm-soát được nước này.

Năm 1853, Hoa-kỳ cũng tỏ ý bất-mãn về việc Pháp và Anh ủng-hộ Tây-ban-nha tại Cuba.

Chủ-nghĩa Polk hình như được thực hành một cách triệt-để. Nhưng đến năm 1869, Tổng-thống Grant lại cải-tổ lại. Trong bản công điệp ngày 6 Décembre 1869, Tổng-thống Grant tuyên bố các thuộc-địa của các nước Âu-châu chiếm được tại Mỹ-châu không được luân-chuyển của nước nọ sang cho nước kia, nghĩa là cấm nước Pháp không được di-dịch quần-đảo Miquelon cho Chính phủ Gia-nã-đại. Mà Gia-nã-đại không được giao cho Pháp một cù-lao nào trong miền Saint Laurent để đánh tôm hùm.

Năm 1870, Hoa-kỳ công bố : việc bán miền Saint Barthélémy cho Ý-đại-lợi có thể coi là một việc trái với chính-sách Hoa-kỳ không muốn các nước Âu-châu đặt thêm thuộc-địa tại Tây-bán-cầu.

Tuy vậy, năm 1877-1878, Anh cũng nhường xứ Saint Barthélémy cho Pháp.

Sau cuộc tranh địa-giới tại Vénézuéla, Olney công-bố không những các nước bạn can-thiệp đến Mỹ-châu sẽ coi là thù nghịch, mà một nước Âu-châu nào — dù là dân-chủ — cũng không thể đặt một nước Mỹ-châu nào dưới quyền kiểm-soát của mình. Olney lại công nhận là sự mở rộng phạm-vi một thuộc-địa Âu-châu có thể làm giảm thế lực một nước Mỹ-châu và làm mất hết tự do của nước ấy.

Olney và Cleveland yêu cầu Hoa-kỳ nên có đủ quyền lực để đối phó với những việc can thiệp bằng võ lực của một cường quốc Âu-châu vào lục địa Mỹ-châu. Roosevelt lại muốn cho Hoa kỳ có quyền duyệt-y những việc can thiệp ấy, mục đích đặt một cuộc bảo hộ trên khắp lục địa Mỹ-châu.

Năm 1903, các trái chủ Âu-châu đòi nợ xứ Saint Domingue, ngoài việc nhượng đất hay việc nhận quyền kiểm soát ngoại quốc, không còn cách gì để giải quyết xong món nợ ấy. Chủ nghĩa Olney cũng như chủ nghĩa Polk phản đối lại chính sách ấy. Tuy vậy, xứ Saint Domingue có nợ thực, nên Tổng thống Roosevelt can thiệp và đặt kiểm soát nền tài chính xứ ấy dưới quyền Hoa kỳ.

Tổng thống công bố Hòa-kỳ chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn các nước Mỹ châu.

Tại Mỹ-châu, các giới đều công nhận chủ nghĩa Monroe, dù về một phương diện nào, cũng đã thuộc về thời kỳ dĩ vãng, không còn công hiệu với tình thế hiện thời nữa.

Năm 1823, Monroe muốn ngăn cản các cường quốc trong hiệp nước Thần thánh đồng minh không được đến xâm chiếm một phần đất nào của Mỹ-châu Nhưng từ năm 1845, dân Hoa kỳ đã mở rộng phạm vi cho cái quan niệm ấy, đến nỗi không cho các nước Âu-châu được quyền di dịch các thuộc địa ở châu Mỹ của nước nọ sang nước kia. Nhưng chính sách ấy bao giờ cũng bị phần đông các nước Âu-châu và dân tộc Mỹ-châu phản đối. Không một nước Âu-châu nào công nhận cái chính sách ấy, mà cho tới ngày nay, không một ai hiểu rõ tinh thần chủ nghĩa Monroe ra sao.

Những việc sau này đủ tỏ cho ta biết là tuy có chủ nghĩa Monroe, mà các nước Âu-châu vẫn thường can thiệp vào các công việc Mỹ-châu :

Năm 1829 và 1838, nước Pháp phong tỏa La Plata.

Năm 1833, nước Anh chiếm được quần-đảo Falkland và vẫn nắm chủ quyền từ hồi ấy tới nay.

Năm 1859, nước Tây-ban-nha và nước Anh kéo quân vào xứ Mễ-tây-cơ đạp đổ chính phủ xứ ấy.

Năm 1862, nước Anh phong-tỏa xứ Brésil.

Năm 1866, nước Tây-ban-nha khai chiến với xứ Pérou và xứ Chili, ném bom phá thành Valparaiso.

Năm 1867, nước Anh cho quân sang đánh xứ Paraguay và ném bom phá thành Omena vào năm 1875. Năm 1895, Anh chiếm cứ sở thường chính Corinto, lại đồng ý với Ý và Đức, Anh ném bom xuống các hải cảng Vénézuéla vào năm 1902.

Xem các việc đã xảy ra như thế, đủ biết chủ nghĩa Monroe vẫn duy trì được tới ngày nay là do đứng về một phương diện khác với ý nghĩ người ta vẫn tưởng tượng. Hoa kỳ không thể công nhận để một lân quốc nào bị xâm chiếm, theo một chính sách không liên can đến sự sinh hoạt của nước ấy.

Như vậy, cái quan niệm của chủ nghĩa Monroe là không phản đối lại cuộc chiếm cứ đất đai tại Mỹ-châu bằng các phương pháp hòa bình. Mà một cuộc khiêu khích của một nước Âu-châu đối với một nước Mỹ-châu cũng không bị ngăn cấm. Chủ nghĩa Monroe chỉ cốt chống lại việc Âu-châu đinh đặt tại Mỹ-châu phong trào phản đối dân chủ là một phong trào hiện có tại Âu-châu. Chỉ có phong trào ấy mới làm cho lục địa Mỹ-châu không được yên ổn, chứ không phải sự chiếm cứ đất Mỹ. Hoa-kỳ đã từng công bố không sợ một lân quốc nào cả.

Nấp dưới bóng chủ nghĩa Monroe, hội nghị La Havane họp tháng Juillet 1940 đã đưa thế giới đến một tình thế mới. Các dân quốc Mỹ công bố những việc đình phá hoại nền trật tự, những việc xâm chiếm đất đai, tổn thương đến chủ quyền, đến nền độc-lập, đều coi là những việc khiêu khích với tất cả các nước Mỹ-châu, dù chỉ liên can riêng đến một nước Mỹ châu thôi.

Hình như cuộc chiến tranh hay cuộc phá hoại, — dù hợp pháp hay không — đối riêng với một nước Mỹ châu nào cũng đều được toàn thể Mỹ-châu hợp tác chặt chẽ để phấn đấu đến cùng.

Vì vậy mà có cuộc liên-Mỹ tranh luận tại hội nghị Rio de Janeiro họp tháng Janvier 1942 để quyết nghị những phương pháp phòng thủ chung cho Tây-bán-cầu, để đối phó với cuộc chiến-tranh hiện thời.,. (HẾT)

NHẬT NHAM

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Theo bản thông cáo ngày 10 Aout 1942 thì các bom do một đoàn phi-cơ Tàu ném ở Haiphong vào trưa ngày 9 Aout đã làm cho Sáu kho bị thiệt hại.

Số người bị nạn hiện biết là : 47 người chết trong số đó có 3 người Pháp, và 75 người bị thương trong số đó có 1 người Pháp.

Các nhà đương chức Pháp và Nhật sẽ dùng nhiều phương-pháp để tăng thêm hiệu lực cho sự phòng-thủ, nếu về sau này còn bị đánh.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm 10 Aout ở Haiphong đã làm lễ cất đám các người bị nạn. Dân chúng đi diễu trước quan tài các người bị nạn bắt đầu từ 3 giờ chiều. Quan phó Toàn-quyền Đông-dương và quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã tới chủ lễ đám tang các người bị nạn.

Hôm 11 Aout, ở Bắc-kỳ có còi báo động từ 15 giờ 35 phút đến 16 giờ 35 Có phi cơ lai bay qua miền biên-thùy Bắc-kỳ ở phía đông bắc và có ném ít nhiều bom. Có người bị nạn nhưng hiện nay chưa biết là bao nhiêu.

Tự giác, giác tha

Hồi 8 giờ tối 13-8-42, tiểu ban Hội « Truyền bá quốc ngữ » họp tại hội quán Tri Tri, Hanoi, ngỏ lời mời các nhà làm báo ở xứ ta vào Hội cho thật đông để lập thành một ủy ban báo giới trong hội giúp việc hoặc giới thiệu cho nhiều người biết rõ tôn chỉ H. T. B. Q. N. là cốt làm cho chữ quốc ngữ ngày được phổ thông khắp nơi dân gian, hoặc cổ động cho các giới đều để tâm đến Hội mà tham dự vào những ban như *dạy học, khánh-tiết, làm sách.* v. v. Nói tóm, mong ai nấy sẵn lòng giúp Hội hoặc về tinh thần hoặc về vật chất.

Hiện nay, Hội đã được phép mở các chi nhánh ở Hà đông, Hải-phòng, Bắc ninh, phủ Lạng thương, v. v. Năm nay hội đã dùng đến một số tiền hàng 4000p vào công cuộc « chống nạn thất học »: mua sách dạy vần quốc ngữ, vở, giấy bút và in những sách truyền bá các món thường thức để phân phát cho các học sinh trong hội.

Hội đang dự định đi sâu vào các vùng thôn quê. Những tiếng thiết tha kêu gọi ấy của hội T. B. Q. N. chúng tôi mong sẽ được các giới hưởng ứng một cách sốt sắng.

PHÓNG-VIÊN

Hai buổi hài-kịch ngày 15 và 16 Aout tại nhà hát Tây

Nếu chúng ta tin lời cổ nhân « Tiếu tắc trường sinh » thì hãy đi xem hai buổi hài kịch này, diễn tối thứ bảy 15 và ngày chủ nhật 16 Août.

Vé đã bắt đầu bán tại nhà hát Tây.

Nào ai là người thích những món tiêu - khiển tao-nhã, yêu nghệ - thuật kịch - trường, hãy đến mà xem hai vở :

«Cái ghen của anh Têm Tem » — «Người hà tiện » dễ thưởng thức tài-hoa của các tài-tử Bắc-Kỳ Kịch Đoàn.

Ông Bourrin còn dự-định đem các vở này diễn tại các rạp Hanoi, trước khi đi vòng khắp các tỉnh, theo như ý muốn của quan Toàn-quyền. Thế là nhân sĩ Bắc-hà cũng sẽ được thưởng thức tân-kịch và dự vào công-cuộc tiến hóa của nghệ thuật mới

Ngoài hai vở này, Bắc-Kỳ Kịch đoàn lại còn dự-định diễn các vở :

a «Hai chú lính trừ-bị» của ông Nguyễn văn Mô phỏng theo vở Les 2 Réservistes của Ernest Voix.

b «Biển lận» vở rất lý-thú của ông Vũ trọng Can.

c « Thầy Thông Ngôn » phỏng theo vở bất - hủ của văn hào Tristan Bernard : « L'Anglais tel qu'on le parle».

d « Còn nữa » phỏng theo hài-kịch Encore của Henri Gheon

Bốn vở hài-kịch, bốn trận cười, bốn trống-canh mua vui

TRA NGHĨA CHỮ NHO

tiếp theo trang 5

mẻ tý nào». *Khâm-định Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 9 tờ 23b-24a, chép: «năm Trùng hưng thứ hai, tức là năm 1286, nhà Nguyên lại sai thái-tử là A-thai, thượng-thư là Áo lỗ xích, bình-chương sự là Ô-mã-nhi, đại tướng quân là Trương văn-Hổ, một lũ đem năm mươi vạn quân và ba trăm thuyền bè, đến xâm lấn nước ta. Năm Trùng hưng thứ tư, 1288, quân Nguyên họp tất cả ở sông Bạch đằng: Hưng - đạo vương đánh vỡ tan, bắt được bình-chương là lũ Áo-lỗ-xích, Tích - lệ Cơ-ngọc và Ô-mã - nhi. Thoát-Hoan và A-thai trốn được Xa-giá vua Trần - Thánh - tôn và Trần Nhân-tôn về phủ Long-hưng, dâng tâu việc đánh được giặc ở Chiêu-lăng. Thấy chân ngựa đá ở lăng dính bùn..., khi vua lên bái yết Chiêu - lăng, có câu thơ rằng : « Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch-mã, sơn-hà thiên-cổ điện kim - âu », nghĩa là xã-tắc hai lần làm khó nhọc đến ngựa đá, núi sông nghìn năm vững bền như âu vàng Chiêu-lăng nay ở huyện Thượng-nguyên, phủ Thiên-trường. »

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

VẤN-ĐỀ « HỌC »

Những sự thay đổi trong BAN TIỂU-HỌC PHÁP

NHÂN-NGHĨA

QUAN-BÁO Đông-pháp (Journal Officiel de l'Indochine française) số 49, ngày 25 Juillet 1942, có dành riêng sáu trang đăng rõ những sự thay đổi trong chương-trình tiểu-học Pháp (enseignement primaire français).

Những cái đăng trong mấy trang ấy, hợp với tờ thông-tư ngày 25 Octobre 1941 của ông Giám-đốc Học-chính Đông-dương (xem Bulletin Général de l'Instruction publique n° 4 Décembre 1941), đã có thể cho ta những ý kiến tạm gọi là rõ-ràng về sự cải-cách trong ban tiểu học Pháp ngày nay.

Theo chế-độ cũ, nghĩa là trước khi có những sự cải-cách này, thì ban tiểu-học Pháp chia làm 2 bậc : sơ-đẳng tiểu-học (*primaire élémentaire*) và cao-đẳng tiểu-họ (*primaire supérieur*).

Ngày nay bậc cao-đẳng tiểu-học đã bị bãi bỏ. Ở Đông-dương, nghị-định ngày 31 Mai 1942 của quan Toàn-quyền đã đổi các trường cao-đẳng tiểu-học Pháp thành những trường « collèges » trung - học. Bốn năm của bậc cao-đẳng tiểu-học cũ *année préparatoire, première année, deuxième année, troisième année* đổi tên là : *sixième B, cinquième B, quatrième B*, và *troisième B*.

Vì có sự bãi bỏ ấy, từ nay ta không cần bận tâm phân-biệt những chữ cao-đẳng và sơ-đẳng nữa, mà chỉ nói vắn-tắt hai chữ « tiểu-học » thôi.

Vậy ban tiểu-học Pháp bây giờ tổ-chức ra làm sao ?

Tờ thông-tư ngày 25 Octobre 1941 đã nói trên kia cho ta biết rằng có hai bậc tiểu-học.

Bậc thứ nhất (1er cycle) có 5 lớp : *section préparatoire, cours élémentaires* 1ère et 2e années, *cours moyens* 1ère et 2e années

Học-trò học trong 5 năm, từ năm sáu tuổi đến năm mười một tuổi. Hết lớp trung-đẳng năm thứ hai, thì lấy bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ».

Theo chế-độ cũ, học hết lớp cao-đẳng (cours supérieur) mới thi lấy bằng « *Certificat d'études primaires élémentaires* ». Bây giờ không có lớp cao-đẳng nữa.

Quan-báo Đông-pháp ngày 25 juillet 1942 cho ta biết rõ cách tổ-chức bậc thứ hai (2e cycle).

Bậc này gồm có 2 năm học, gọi là : *première année* và *deuxième année*.

Muốn vào năm thứ nhất, phải có bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ». Học hết năm thứ hai, thì lấy bằng « *Certificat d'études primaires* ». Ta nhận thấy ở đây không có chữ « *élémentaires* » sau chữ « *primaires* » như trước kia nữa.

Không kể những tay xuất-sắc, thì số đông học-sinh Pháp đỗ bằng DEPP vào năm 12 tuổi và bằng CEP vào năm 14 tuổi.

Sau khi có bằng DEPP, học-sinh có thể chọn một trong hai đường này :

1 Theo học bậc thứ nhì ban tiểu học để có thêm kiến-thức phổ-thông rồi sau học nghề hay kiếm việc làm ;

2 Còn muốn bước xa nữa trên thang học-vấn, thì phải vào ngay ban trung-học, để sau này thi tú-tài.

Ở đây, ta nhận thấy một cách rõ - ràng duyên - cớ tại làm sao người ta bãi bỏ bậc cao-đẳng tiểu-học cũ.

Thêm một năm lớp cao đẳng rồi lại bốn năm bậc C Đ T H, vị-chi là 5 năm : 5 năm ấy đào-tạo ra một hạng người, « chữ » thì chưa lấy gì làm giỏi, mà « nghề » thì chẳng biết một nghề gì cả, làm « thầy » chưa nổi mà làm « thợ » cũng không xong !

Bây giờ không thế nữa : một là chỉ cốt đủ kiến-thức phổ-thông rồi xoay ra « học nghề », hai là muốn « học chữ », thì phải đi xa hơn xưa, ít nhất cũng phải đến được các bằng tú-tài.

Tôi sẽ trở lại vấn-đề « học » này trong nhiều bài khác.

NHÂN-NGHĨA

ĐÃ CÓ BÁN

Xuân Thu

Nhà tập

Tư-tưởng, văn-chương và nghệ thuật Tiên - Phong.

Nam-đàn bát châu tục thảo

Số 2

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo nhân

III

CHỢ ĐỒNG-XUÂN, PHIÊN NGÀY TẾT

(Thơ soạn)

Kể từ thảa Lê hoa, Lý quả,
Chợ Đồng-xuân xuân cả bốn mùa.
Tưởng chừng nay hội chen-đua,
Vẻ người tân, cựu, món đồ lạ, quen.
Tục Nguyên-đán, Đào-hoa-nguyên trong thế-giới ;
Cảnh Đồng - xuân, an - lạc - quốc buổi phân-tranh.
Hoa thơm gửi mua một cành,
Về cắm độc - bình, kỷ - niệm nghênh - xuân.

Chú - thích

Đào-hoa-nguyên — nói phong-tục cổ. Sau này trong tập thi-thảo sẽ có bài chép truyện « Ngư-phủ nhập Đào-nguyên ».

An-lạc-quốc : nói cảnh-thổ thái-bình. Kinh Thi : « thích bỉ lạc-quốc ».

IV

XEM THƠ TRẦN - VŨ - QUÁN, TRUY - THUẬT

(Thơ soạn)

Ta ngày nọ, xem thơ đề Trấn-vũ ;
Hàng chữ nho, cầm - tú nhận rành-rành.
Đồng-giang, câu thơ trứ - danh :
« Nam bang Bắc-trấn, Đông-kinh Tây hồ ».
Lầu bích - nguyệt, tử thu lưng cút rượu ;
Hồ thanh - liên, cảnh hạ một con chèo.
Ngày nay thi-xã đồi chiều,
Thơ đề Trấn - vũ ít nhiều Quốc-âm ?

Chú - thích

Truy thuật : Đại-đề cũng như truy - ức, truy - cảm.

Đồng-giang : hiệu cụ Phan-Văn-Ái người Đồng-tỉnh, Văn-giang, Bắc-ninh. Cụ vốn là bậc danh-nhân trong cõi thơ, thơ đề Trấn - vũ-quán của cụ có câu : « *Đông-kinh phong-vật Tây-hồ thắng ; Nam quốc thần-linh Bắc-trấn tôn* ». Nghĩa là bề phong-cảnh ở Đông-kinh thì Tây-hồ là thắng ; bậc thần - linh ở Nam - quốc thì Bắc-trấn là tôn. Câu thơ ấy dùng bốn chữ « đông, tây, nam, bắc » : tài-liệu tề-chỉnh, ý-nghĩa đầy-đủ, bút-pháp tự-nhiên, phi bậc thiên-tài không viết nổi, đã từng truyền tụng trong một thời-kỳ. Vậy biết câu thơ hay chỉ một câu là đủ truyền - tụng, không cần nhiều ít văn dài. Đông - kinh tức Hà - nội ngày nay, nhà Hồ nhà Lê gọi Thanh - hóa là Tây - đô, Thăng-long là Đông-đô.

Bích-nguyệt : bích là ngọc bích, nói mặt trăng sáng đẹp.

Cút : đồ đựng rượu lối cổ.

Định nghĩa chữ « ta »

Chữ « ta » có 8 nghĩa cả thảy :

1. — Đối với bề tôn-kính hay là trân-trọng thân-yêu mà nói, như là cha *ta*, mẹ *ta*, tổ-tiên *ta*, đức hoàng-thượng *ta*, thầy *ta*, bạn *ta*, đoi *ta*, v. v.

2. — Đoi với quyền-lợi hưởng-thụ chung mà cũng tỏ lòng thân-yêu mà nói, như là nhà *ta*, nước *ta*, đồng-bào *ta*, chúng *ta* v. v.

3. — Mình đối với mình mà nói, như là tâm-sự mình lại gửi-giãi với can-tràng mình, lời mình lại cảnh-cáo thân mình v. v... thì chữ « ta » ấy tức là chữ mình, không can-dự gì đến người khác.

4. — Đối với bạn đong-du mà nói, như là : « Ngươi cũng phiến tình gửi yên-thúy ; ta còn bầu hận chứa đinh-châu » Nguyên câu Hán-tự thơ Trấn-vũ-quán. Chữ « ta » với chữ « ngươi » là phương-thể đối-địch và thân nhau chữ ngươi ở câu thơ trên, chớ đọc lầm là chữ « người ».

5. — Đối với người trì-kỷ mà nói, như là *ta* lại gặp *ta*, *ta* lại biết *ta*, thì chữ « ta » là chữ nói chỉ chung của cả hai người, nghĩa là hai người như một.

6. — Đối với số nhiều mà nói, tức là lời trống không, như là con người ta v. v.

7. — Đối với bậc dưới mà nói ; như là *ta* bảo cho hay, phải nghe lời *ta* v. v.

8 — Đối với kẻ vắng mặt mà nói một cách ít trân-trọng, như là cô *ta*, chị *ta*, ông *ta*, lão *ta* v. v., song những lời ấy kẻ thượng-lưu cũng ít dùng.

Vậy mà trong xã hội hoặc có một số ít người giữ thói câu-nệ : hễ thấy câu thơ có chữ ta, thì tỏ ý bất-mãn, cho là thiệp ý kiêu-ngạo. Như thế thì thực lạ quá. Có biết đâu chữ « ta » trong Quốc-âm vốn có tinh-thần thiêng liêng, ý - nghĩa chính - đáng, thể dụng phong phú. Nếu làm thơ mà kiêng kỵ chữ « ta », thì còn gì là tính cách thơ, chẳng thà đừng làm thơ. Nay nghĩa chữ « ta » đã định rõ-ràng ; thi-gia chỉ nên theo con đường chính-đáng mà dùng, không phải câu - nệ gì cả. Mà người xem thơ tưởng cũng không nên câu-nệ cho quá lắm. Duy thi-gia khi dùng chữ « ta », cũng nên trịnh - trọng, khiến cho tuần - nhã hợp phép, không nên cẩu-thả lạm dụng, đó lại là chức phận của thi gia. Nghĩa chữ « ta », truyện Kiều rất tinh nhã.

Phụ bản thi xã đồi chiều

Vào xem Trấn vũ quán, chẳng khác gì vào xem cuộc triển lãm thơ. Ngày xưa Hán học thịnh, thì thơ Hán tự hay, mà thi xã Hán tự thịnh, là lẽ tất nhiên. Ngày nay

xem tiếp trang 20

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Août

LONG-ĐIỀN

I

1-8-1942, thứ bảy, 20, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay năm quí-mùi 21-7-1883, vua Hiệp-Hòa lên ngôi.

2-8-1942, chủ nhật, 21, tháng sáu, nhâm-ngọ

Ngày nay năm đinh-hợi, 10-8-1887, các cửa bể và các sông ở Bắc-kỳ, như cửa Cấm, cửa Nam-triệu, cửa Lục, sông Nhị-hà bắt đầu mở cho các nước vào thông-thương.

3-8-1942, thứ hai, 22, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm nhâm-tuất, 1802, quân vua Gia-Long hạ thành Thăng-long (Hanoi).

4-8-1942, thứ ba, 23, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1789, quân Tây-sơn ra Bắc, nhân dân thành Thăng-long rất nôn-nao xao-xuyến, vì những lính chạy trốn được về và những gia-quyến lính tử-trận kéo đến lăn khóc ở cửa Phủ.

5-8-1942, thứ tư, 24, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm ất-mùi, 1655, chúa Trịnh-Căn, đem quân sang sông Lâm-giang tiến đánh quân chúa Nguyễn ở làng Nam-hòa huyện Thanh-chương, Nghệ-an.

6-8-1942, thứ năm, 25, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm quí-mùi, 28-7-1883, thủy-quân Pháp đi tuần-tiễu các giòng sông, gặp quân Cờ-đen ở sông Nhị-hà và sông Đáy.

7-8-1942, thứ sáu, 26, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786, quân Tây-sơn ra Bắc-kỳ. Chúa Đoàn vương Trịnh-Khải phải bỏ kinh-thành Thăng-long chạy về mạn bắc.

8-8-1942, thứ bảy, 27, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm giáp-thân, 1884, vua Hàm-Nghi thiết đại triều để tiếp-kiến các quan Đại-Pháp.

9-8-1942, chủ nhật, 28, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786, chúa Trịnh-Khải bị tên tuần Trang làng Ha-lôi bắt đem nộp cho Tây-sơn. Chúa Trịnh-Khải tự đâm cổ chết.

10-8-1942, thứ hai, 29, tháng sáu, nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính-ngọ, 1786, ông nghè Lý Trần-Quán được tin chúa Trịnh-Khải bị bắt mà chết, cũng tự tử theo.

11-8-1942, thứ ba, 30 tháng sáu nhâm ngọ

Ngày nay năm giáp-thân, 20-8-1884 triều đình nhà Thanh trả lời phản-kháng việc Chính-phủ Pháp bắt đền sự thiệt hại và binh-phí sảy ra bởi quân giặc Cờ-đen quấy nhiễu Bắc-kỳ.

12-8-1942, thứ tư, 1 tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay năm Ất-dậu, 1885, quân Pháp ra đóng án ngữ ở Vinh để chặn đường vua Hàm-nghi ra Bắc.

13-8-1942, thứ năm, 2, tháng bảy-nhâm-ngọ

Ngày nay năm giáp-ngọ, 1594, công thần nhà Mạc là Nguyễn-ngọc-Liễn mất ở châu Vạn - ninh, Lạng - sơn Bắc-kỳ.

14-8-1942, thứ sáu, 3, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay năm giáp-ngọ, 1294, danh tướng nhà Trần là Trần-quang-Khải mất.

15-8-1942 thứ bảy, 4, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm thìn, 1892 quân Pháp giao-chiến với giặc khách ở châu Phúc-Hòa, Cao bằng. quan ba David bị thương.

16-8-1942, chủ-nhật, 5, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính - ngọ, 1726 sinh-nhật ông Bảng-nhãn Lê-quí-Đôn

17-8-1942 thứ hai, 6, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm ất-mùi, 1835, quân Triều-đình khôi - phục được thành Gia-định mà quân giặc Lê văn-Khôi chiếm cứ.

18-8-1942, thứ ba 7, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính - ngọ, 1786, chúa Tây-sơn Nguyễn văn-Huệ vào triều vết vua Lê - hiển - Tôn ở điện Kinh-thiên tại thành Thăng-long.

19-8-1942, thứ tư, 8, tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm-dần 11-8-1902 xe hỏa đường Hanoi — Ha-iphong bắt đầu chạy.

20-8-1942 thứ năm, 9, tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quí-dậu, 31-8-1873 Khâm - sai Lê - Tuân và khâm - sai Nguyễn-văn-Tường tới Sài-gòn để thương-thuyết với Súy-nhủ Pháp về việc trục - xuất Đề-phố-Nghĩa Jean Dupuis ở Hanoi

21-8-1942, thứ sáu, 10 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quí-mão, 1783 chúa Nguyễn-Ánh (vua Gia-long) hội-đồng các quan bàn việc nhờ đức Cha Bá-Đa - Lộc (Evêque d'Adran) sang Pháp mượn binh.

22-8-1942, thứ bảy 11 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm-thân, đức Bảo-Đại ở Paris xuống Marseille để đáp tầu về nước.

23-8-1942, chủ nhật, 12 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quí-mùi, 1883, quân Pháp lên đánh quân Cờ-Đen ở làng Vòng thuộc Hoài - đức Hà - Đông Bắc-kỳ.

24-8-1942, thứ hai, 13 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quí-mùi, 1883, đê Trèm vỡ, quân Cờ-đen bị chết đuối hơn nghìn người.

25-8-1942, thứ ba 14 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh - thân 1518, vì vua Lê - chiêu - Tôn vì nghe lời gièm, ngờ Trần-Châu phản nghịch, đem giết Trần-Châu và nhà trảo cả thảy sáu người. Bộ tướng Trần-Châu là bọn Hoàng-Duy-Nhạc, Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng dấy quân làm loạn, họp nhau ở chùa Láng (thuộc huyện Hoàn-Long), tiến quân phạm

Xem tiếp trang 20

Tài liệu...

Tiếp theo trang 8

Thương nàng năn-nỉ, trách duyên rì-rầm.
Quên đã lăm, chịu đã lăm,
Tao-khang nàng giữ. đinh-đinh hãy thì.
Giận ỷ nên, thử ỷ nên,
Trăm hờn ai hả cách niên còn hờn ?
Lỗi dám quên, nợ dám quên.
Cất hiềm dập tủi, được ơn xót hồng.
Sự mơ-mỏng chớ mơ-mỏng,
Hãy thương con, hãy kính chồng vẹn hai.
Nguyện dám phai, nghĩa dám phai,
Bụng lăm đấy, thử đơn sai trẫn trờ
Tin ngày xưa nghĩa ngày xưa,
Bắc nam mong dứt lòng chưa biết lòng.
Ngỡ gần - vòng, quái gian vòng,
Phải ngừa xem trước, hoài phòng liệu sau.
Hả quên đâu, hả phụ đâu.
Ngọt bùi đã trải, rưa rau đã tường.
Giữ đạo thường, chớ phi-thường,
Sự nhàn thôi chẳng đa mang mảng hề.
Kết tóc tơ, vẹn tóc tơ,
Lòng xưa hãy tạc, nghĩa xưa chớ rời.
Sinh trong đời, ở trong đời,
Trượng-phu mấy kẻ phụ người hồng-nhan.
Nghĩa tạo-đoan, chớ đa đoan,
Nàng Nhan hãy giữ niềm đan đạo hằng.
Cao mấy từng, đã mấy từng,
Đôi vai chứng quả, đôi vừng xét soi.
Bạn trúc mai kết trúc mai.
Vóc gương đã hợp trang đài bấy lâu.
Nghĩa áo bào, văn phân bào,
Thôi đừng nghĩ ngợi mà đau tình tình.
Đứng dưới giăng, nguyện dưới giăng,
Ý đã biết ý, lòng chăng giận lòng.
Cách loan phòng, hợp loan phòng,
Đừng e đôi chữ, ngại ngùng đôi phương
Rẽ bóng loan, hợp bóng loan,
Kẻo còn thần vận tương vương cách vời.
Chót tin người, lỡ phải người,
Đã nhời sàm-báng, lại nhời gièm-chê.
Mỗi giềng ba, lỗi đạo ba.
Sự nay sao ở giăng già trêu vương ?
Từ hai phương, rẽ hai phương,
Trà-mi héo nhẵn, liễu-dương ủ rầu.
Luống đeo sầu, đượm giọt sầu,
Hay duyên ả Chức chàng Ngâu quấy người.
Ghi hỏi nhời, chớ hỏi nhời,
Cậy giăng soi xét, cậy giời chứng minh.
Nguyện đinh-đinh, chớ đinh-đinh,
Gương vàng biết ý non xanh biết lòng.
Trên vừng hồng tỏ mặt hồng,
Hãy ghi vàng đá nặng lòng nước mây.
Duyên kịp đây, nghĩa kịp đây,
Nỡ nào bẻ liễu phân tay cho đành.
Đầu non xanh, kết tuổi xanh,
Bạch Trần đôi họ, ả anh một nhà.
Nhẫn giời già, sánh tuổi già,
Từ rày duyên hợp khúc hòa vầy vui.

Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp lục*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số A B 296.

Còn nữa

1. Bài trách bạc tình soạn vào khoảng cuối đời Lê. Bản nôm của Bác-cổ không chép tên tác-giả, lại mất bản đoạn đầu, chỉ còn có câu « Trông giăng buồn chịu, bóng giăng mơ - mòng », rồi đến câu «Ngỡ văn-phòng, biết loan-phòng ». Hiện chưa có ai in ra quốc-ngữ.

Nam đàn bát châu

tiếp theo trang 18

thì xã đồi chiều, một ngày kia Quốc âm thịnh, thì thơ Quốc âm hay, mà thi xã Quốc âm thịnh, tưởng cũng là lẽ tất nhiên Ôi ! Trấn vũ quán tự xưa đến nay chính là chỗ vũ đài của thi nhân, vạn cổ giang san ấy, thành thị ấy, phong cảnh ấy, hàn - mặc ấy, chẳng hay Trấn vũ quán ngày nay thơ quốc âm đề vịnh đã có nhiều ít hay chưa ? Trấn vũ tao đàn vì cớ gì mà tịch mịch, xưa sao như chợ, giờ sao như chùa ? Đề ều đó xin còn đặt dấu hỏi.

Thơ Hán tự trong Trấn vũ quán thì nhiều. Tôi sẽ xin trích ra một bài « Đề Trấn vũ lâu » của một nhà thi bá nước ta hồi trước, dịch ra Quốc âm, để tiện cho thi gia để ý cổ kim, lưu tình lãm khảo.

Kỳ sau sẽ tiếp

Hà - đông NGUYỄN ĐÔN - PHỤC

NHỮNG NGÀY « LỊCH SỬ »

tiếp theo trang 19

kinh-thành. Đang đêm, vua phải sang Bồ-đề lánh nạn.

26-8-1942, thứ tư, 15, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm mậu-thìn, 548, vua Lý-Nam-Đế (Lý-Bôn), mất tại động Khuất-liêu.

27-8-1942, thứ năm, 16, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui-mùi, 18-8-1883 Thủy-soái Courbet bắn đồn Thuận-an (Huế).

28-8-1942 thứ sáu, 17 tháng bảy nhâm-ngọ

Ngày-nay, năm bính-tý, 2-9-1936, vua Bảo-Đại và quan Toàn - quyền Robin làm lễ bắt đanh ốc nối liền con đường sắt suốt Đông-Dương ở ga Trung-kỳ lúc bảy giờ sáng.

29 8-1942, thứ bảy, 18, tháng bảy, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính - ngọ, 1786, vua Lê-Hiển-Tôn mất, thọ 70 tuổi, trị-vì được 46 năm.

30-8-1942, chủ nhật, 19, tháng bảy nhâm ngọ

Ngày nay, năm qui-mùi, 1883, Triều-đình Huế phái sứ đến tàu binh Pháp đóng ở cửa Thuận-an (Huế) yêu cầu đình-chiến.

31-8-1942, thứ hai, 20, tháng bảy, nhâm ngọ

Ngày nay, năm đinh-mão, 1927, Ta và Tàu xung đột nhau ở Hai-phong giây dưa đến mấy ngày mới thu-xếp xong.

LONG-ĐIỀN

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
BỒN 賁 Vũ khắc	tự Trọng-phu	Hà tịnh, La-sơn	N	38	17b	
BỒN 本 Lê-đại		Quảng trị, Hải-lăng	S	20	3a	cũng đọc « Bản »
BỒN » Võ-văn	sơ-danh Ngọc - giá, hiệu Tòng-loan	Hà tịnh, La-sơn	N	32	16a	»
BỬU 寶 Đào-đình		Hưng yên, Ân-thi	N	29	7a	cũng đọc « Bảo »
BỬU » Huỳnh-phước		An giang	S	15	4b	»
BỬU » Nguyễn-đức		Thanh hóa, Qui-huyện	T	4	20b	nhập tịch Phú-xuân
BỬU » Trương-tấn		Vĩnh long, Bao-an	S	16	9b	nay thuộc cù lao Bảo
BỬU » Võ-viết		Thanh hóa, Qui-huyện	S	17	12a	(Bến tre)
34						
C						
CẢNH 景 Huỳnh-tấn		Biên hòa, Phước-chánh	S	15	5a	
CAO MAN	Chơn-lạp		S	31	—	trọn quyển
CAO 高 Nguyễn		Bắc ninh, Quế-dương	N	41	22a	
CÁO 告 Nguyễn-văn		Bình định, Phù-cat	N	40	10b	
CÁT 葛 Đoàn-văn		Bình định, Bồng-son	S	25	1b	
CẨM 錦 Nguyễn-văn		Gia định, Bình-dương	S	15	22a	nay là vùng Saigon
CẬN 近 Trương-thị		Quảng-trị	N	44	6b	
CẦN » Huỳnh-tấn		Quảng bình, Phong-lộc	S	15	19b	
CẦN » Nguyễn-đăng		Huế	T	5	13a	
CẦN » Nguyễn-văn		Định tường, Kiến-hòa	S	17	11a	
CẦN » Phan-tấn		Thừa thiên, Hương-trà	S	19	16a	
CẦN » Võ-xuân		Quảng bình, Lệ-thủy	N	12	1a	
CÔ 姑 Trần-thị		Quảng-yên	N	38	28a	vợ Phan đình-Thỏa
CỐC 谷 Tôn-thất		Huế	S	4	8a	
CỒN 滾 Huỳnh-văn		Quảng trị, Hải-lăng	N	41	2b	
CÔNG-CHÚA, chư tiên vương,	(4 người)		T	2	36a	
» (Hưng-tổ)	Cả thảy 18 người :		S	3	2a	
» (Thế-tổ)	Cả thảy 64, đăng đây 54	17 người tại	S	3	5b	
» (Thánh-tổ)	Cả thảy 35, đăng đây 30	1 người tại	N	9	3a	
» (Hiến-tổ)			N	9	3b	thiếu 10 người
CÔNG 功 Lê-thành		Quảng yên, Vân-đồn	N	10	3b	thiếu 5 người
CƠ 基 Nguyễn	sơ danh Đức-kỳ	Sơn tây, An-lạc	S	18	8a	
CỨC 菊 Lê-mậu		Quảng trị, Thuận-xương	N	39	10b	
CƯ 居 Đoàn-cảnh		Định tường, Kiến-đăng	N	18	12b	
CƯ » Lê-văn	tự Dịch-phủ	Quảng bình, Phongđăng	S	15	8b	nay là vùng Cai-lậy
CƯ Nguyễn		Hanoi, Thanh-trì	N	40	8a	(Mỹ-tho
CỰ 巨 Tạ-quang		Thừa thiên, Phú-vang	N	30	1a	
CỬ 舉 Phan	tự thống-thiệu, hiệu		N	17	10b	
CƯƠNG 綱 Lê-đại	Kỳ-phong biệt hiệu	Nghệ an, Thanh-chương	N	25	20a	
CƯƠNG 疆 Lê-nhữ	Cư-chánh-thị	Bình định, An-nhơn	N	18	10b	
CƯƠNG 崗 Trương-phước		Thừa thiên, Hương-trà	N	40	21a	
		Thanh hóa, Qui-huyện	T	4	17a	

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 8 của CHU-THIÊN

HÔM sau, y hẹn, Đặng - Mai thân đến dinh Trần - Long bái-yết. Trần-Long truyền đặt tiệc tạ ơn.

Hai người ăn tiệc vui-vẻ ở nhà ngoài, bàn luận về văn-chương võ-bị rất là tương đắc. Nàng Lệ - Kim có ý, đứng trong nhìn ra, nhận rõ mặt người, càng thêm sửng sốt nghĩ bụng rằng :

— Có lẽ chồng ta đây thật. Chứ thiên-hạ lại có người giống như đúc thế à ? Dễ mà đúng như lời Trần tướng-quân, trong cơn tai biến chồng ta đổi họ và tên đi chăng ?

Phải rằng nắng quáng đèn lòa,
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thành-Chương ?

Nàng đang nghĩ ngợi thế, thì thấy Trần - Long nâng chén rượu mời thêm Đặng-Mai và gặng hỏi :

— Chẳng hay tướng-quân có mấy vị phu-nhân, mà hôm nọ tiểu-tướng sang không được thừa tiếp ?

Đặng-Mai bỗng sầm mặt lại có vẻ âu sầu, đáp rằng :

— Đa tạ tướng quân ! Tướng-quân có lòng hỏi đến khiến cho tiểu-tướng càng thêm chua sót !

Trần-Long vội hỏi :

— Tướng - quân cũng có điều chi phiền lòng như vậy ? Dám mong tướng-quân cho tiểu-tướng biết một đôi phần, họa may tiểu - tướng có chia sẻ nỗi buồn được chút ít chăng.

Đặng-Mai rầu rầu nét mặt, nước mắt vùng quanh, kể lể rằng :

— Chẳng nói giấu gì tướng-quân, tiểu tướng cũng không phải vốn chuyên nghề võ-bị mà chủ tâm vào võ ban đầu. Tiểu-tướng trước theo đòi văn học, đã có vợ con. Nguyên nội-nhân bị kẻ tham quan bắt đem dâng lên Mạc-vương. Tiểu-tướng đã nhiều lần trần khiếu thượng - ti, nhưng đều bị dìm bỏ cả. Tiểu-tướng bèn lên kinh-đô dò thăm tin tức, song cửa hầu sâu như bể, khó nỗi hỏi han. Rồi nhân đó xin làm vệ binh trong Mạc - phủ, cũng mong thấy người giáp mặt để cùng nhau than thở nỗi lòng. Hay đâu vẫn tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra ! Sau tiểu-tướng biết nội - nhân đã trốn đi rồi, đã định bỏ về. Nhưng lúc đó Mạc-vương kén tướng tài, tiểu-tướng được người trên suy cử, được bổ làm chức Tiền-doanh đốc-thị. Một tháng sau, được bổ lên làm Trấn-thủ ở đây. Bản tâm tiểu-tướng cũng không muốn cầu cạnh công danh. Nhưng vì thời cơ thế bách, cũng phải theo đó làm đường xuất thân. Lâm lúc nghĩ đến tình xưa, nghĩa cũ, đã xin giải ấn từ quan, một thân lặn suối qua ngàn tìm nhau họa là có thấy. Nhưng những đơn xin giải chức đều bị thượng ti bác bỏ, lại phải ngồi lại ở đây.

Trần-Long ngậm ngùi hỏi :

— Thưa tướng-quân, tiểu - tướng xin mạn phép Tướng-quân mà đường đột hỏi điều này : Nghe lai-lịch oanh liệt của tướng - quân, tiểu - tướng chợt nhớ có phải quí - danh tướng-quân trước là Thành - Chương họ Nguyễn không ?

Đặng-Mai giật mình hết sức kinh-ngạc hỏi lại :

— Không ạ, tướng - quân lầm rồi. Tiểu-tướng vốn tên là Đặng-Mai.

Trần-Long cười nói :

— Như thế là tướng - quân còn giấu tiểu-tướng. Chứ thực tướng-quân chính quê ở Hải-dương. Chỗ anh em cả, cùng một cảnh huống như nhau, tướng-quân bất-tất phải giấu giếm như vậy.

Đặng-Mai ngần - ngừ một lúc rồi nói :

— Nhưng sao tướng-quân lại biết được rõ tiện-danh ? lạ quá, mà tiểu-tướng, trước khi phó nhậm tệ hạt vốn chưa quen biết tướng-quân.

— Không những thế, tiểu - tướng lại được biết tôn - tẩu qui danh là Lệ-Kim nữa.

Đặng-Mai càng lấy làm lạ, sợ - hãi đứng dậy chắp tay, vái hỏi :

— Tướng-quân là thần minh hay sao mà hiểu rõ ẩn tình của tiểu-tướng như vậy ?

— Thưa tướng-quân, tiểu-tướng không thánh-thần gì cả. Tiểu-tướng chỉ nhất tâm bái phục đức Hoàng-thiên an-bài khéo quá. Tiểu-tướng được biết là vì tôn-tẩu hiện ở cùng chuyết-kinh đây. Vợ chồng tiểu-tướng vẫn một lòng tôn-kính.

Nói xong, Trần-Long sai người vào mời Lệ-Kim ra. Còn Đặng-Mai chỉ thốt được một tiếng :

— À !...

Rồi ngồi im-lặng trong cảm-động bồi-hồi. Ở trong Lệ-Kim nghe rõ cả, trong lòng hết sức vui mừng, ngồi ngẩn người ra một lúc. Đến khi tên lính vào mời ra, nàng mới vuốt lại mái tóc, nắn lại vành khăn, rồi uyển-chuyển đi ra. Trông thấy Đặng-Mai, nàng ấp-úng nói :

— Thưa phu-quân !...

Rồi đứng ngây ra nhìn, không nói thêm được gì nữa. Đặng-Mai cũng vậy, sau mấy tiếng « hiền thê », cứ chằm - chặp nhìn hồi lâu không chớp. Hai bên đều im-lặng. Trong bầu không-khí im-lặng, như cùng kéo dài cái giây khắc thiêng-liêng, để hai cặp mắt cùng thu lại lấy hết cả hình ảnh và tâm hồn của nhau đã bao lâu xa cách. Không một giọt nước mắt. Không một tiếng thở dài. Chỉ một sự im-lặng thấm-thía ấy cũng đủ nói bao nỗi vui mừng và bao lòng thương-xót trong cơn cớ-cực ! Chỉ một sự im-lặng thấm-thía ấy cũng đủ khiến những người ngoài đối cảnh phải cảm-động và kính phục. Một hồi lâu, Đặng-Mai mới đứng lên, lại gần Lệ-Kim cầm lấy tay nàng. Gặp nhau giữa lúc bất ngờ, trong trường hợp không ai

hề tưởng-tượng đến, sự sung-sướng hiện tại đã quá lòng mong ước, Lệ-Kim không nhắc đến gì cả, chỉ hỏi :

— Con đâu ?

Đặng-Mai vui vẻ nói :

— Hiền thê chớ ngại. Con, tôi gửi nuôi ở trên thành. Để mai ta đi đón con về cho vui cửa, vui nhà.

Lệ-Kim nói :

— Thật vì thiếp để cho phu-quân phải long-đong !

Đặng-Mai vội gạt đi :

— Không phải thế. Chỉ vì tôi hèn nên mới xảy ra cơ-sự như vậy ! Nhưng thôi, có thế mới được nếm mùi vui-vẻ lạ-lùng như ngày nay.

Rồi sực nhớ đến Trần-Long ngồi đấy, chàng quay lại nói :

— Cuộc tái-ngộ này thật nhờ Trần tướng-quân mới có. Ta phải lại cảm tạ tướng-quân.

Trần-Long vội đứng lên nói chắn trước :

— Thưa tướng-quân và tôn-tẩu, việc này tự Giời Phật dun-dủi nên vậy, chứ tiểu-tướng chẳng có công gì.

Đặng-Mai nói :

— Vả, tiện-nội nương nhờ ở đây, chịu ơn tướng-quân nhiều lắm...

Trần-Long vội cướp lời :

— Đâu có phải là ơn ạ ? Nói đến ơn thì chuyết-kinh còn chịu ơn tôn-tẩu che-chở nhiều lắm mà chưa báo đền được...

Lệ-Kim liền nói :

— Thưa tướng-quân, tướng-quân cứ dạy thế. Chứ trong khi lưu-lạc, em nhờ có phu-nhân che-chở bênh vực cho mới còn được ngày nay...

Trần-Long vội xua đi rằng :

— Thôi ! xin tướng-quân và tôn-tẩu tạm bỏ việc ơn-huệ đi đã. Giờ ta hãy vui mừng cuộc tái-hội ly-kỳ mà Giời đã dành thưởng riêng những người trung nghĩa như tướng-quân và tôn-tẩu. Để tiểu-tướng xin vào gọi chuyết-kinh ra họp mừng với tướng-quân cùng tôn-tẩu.

Trần-Long đi vào. Một lúc sau, cả Phan phu-nhân, Liên-Tường và Trần-Long cùng đi ra, mỗi người một nhời, hết sức thi nhau mừng-rỡ, cuộc trùng-phùng của vợ chồng Lệ-Kim. Bữa tiệc chủ khách phút chốc đã biến-chuyển ra bữa tiệc gia-đình. Tất cả năm người đều ngồi vào ăn uống rất là vui-vẻ. Họ cười nói huyên-thiên, nhắc lại cho nhau nghe những nỗi vất-vả vừa cùng nhau trải qua. Đã cùng nếm những bước gian-nan, nay lại được họp mặt nhau trong khi sung-sướng, họ hiểu nhau và trở nên thân nhau hơn ruột thịt ! Vui chơi suốt buổi hôm ấy, đến chiều, vợ chồng Lệ-Kim mới cùng nhau lậy ta Phan phu-nhân, Trần-Long và Liên-Tường, dắt nhau ra về bên đồn dinh Đoàn-môn.

Vui-vẻ thay ! từ nay sum-họp một nhà, từng cay đắng lại mặn-mà hơn xưa. Thật là châu về Hợp-phố, gương vỡ lại lành ! Những mẩu đời ly hợp bi hoan lạ-lùng của cặp giai nhân kiệt-sĩ ấy còn lưu lại làm thiên giai-thoại cho người sau diễn truyền mãi mãi...

VI

Liên-Tường mừng được gặp rồi chỉ còn mong mỏi tìm thấy cha là Phan thượng-thư, nên thường bàn cùng Trần-Long thuê người đi tìm kiếm khắp nơi, dò la thăm hỏi, đã mất lắm công mượn, của thuê. Thường thường, Liên-Tường và Lệ-Kim vẫn cùng nhau cưỡi ngựa đi quanh vùng Kinh-bắc vừa để cho biết quen thung-thổ, vừa mong họa may trong sự tình-cờ gặp được Phan-công chăng.

Một hôm, giời chiều, chị em về qua khu rừng Đông-sơn. Mặt giời mãi tận phương xa đã gần xuống ngang đỉnh dẫy núi Tam-đảo, rớt những ánh vàng tươi nhạt lên những đỉnh núi Lim, núi Chè, núi Đông, làm cho mấy núi ấy bật lên khu rừng đã dần dần sẫm lại. Những bóng râm từ đằng tây cứ chập chờn đuổi nhau, vượt nhau và kéo dài ra bao trùm cả một đồng-quê bao-la bát-ngát. Chim chóc về rừng, tranh cành ríu rít. Trước cảnh-tượng tưng-bừng của thiên-nhiên nhuộm muôn màu sắc, hai nàng say-sưa ngắm cảnh, buông lỏng tay cương, cho ngựa thong thả bước ven rừng. Bỗng từ đâu đi lại có sáu người đàn ông ăn mặc gọn gàng ra vẻ quân-sĩ vác đòng, cầm dáo, đi vượt lên. Hai nàng phải cầm cương giật ngựa đứng né vào bên, nhường lối cho chúng đi. Chúng vượt qua cả rồi, một tên ngoảnh cổ lại nhìn, rồi nói với cả bọn rằng :

— Hai con bé nhà giầu đẹp quá, anh em ạ !

Một tên nữa quay lại mà nói :

— Ừ nhỉ ! À, vì con này mà chủ tôi bị bỏ mang đây. Ta quay lại bắt đi, anh em ! Món bở đây !

— Thèm vào ! Nhỡ có người biết

Một tên nói vậy, tên kia cãi :

— Không sợ ! Chiều tối mà đường rừng, chả còn ai đi nữa. Cho bằng có gặp ai thì chúng mình là người nhà quan, tha bắt chúng là tốt !

Một tên nữa tán thành, nói :

— Phải, được món bở, anh em ta bắt về Đứa nào sợ thì về trước đi !

Tức khắc cả bọn đều quay lại, giơ khí-giới ra cản đường. Một tên hô to:

— Hai cô kia đi đâu ? dừng lại hỏi này.

Liên-Tường và Lệ-Kim nghe rõ chúng bàn tán, đã rút đoản kiếm ra phòng thân rồi, cứ cho ngựa đi bừa lên và nói :

— Các bác đi việc các bác, chúng tôi đi việc chúng tôi. Các bác không có quyền hỏi. Can gì chúng tôi phải đứng lại ?

Tên đầu xướng nói :

— À ! quân to gan nhỉ ! Anh em đánh bắt lấy !

Tức thì tất cả đòng dáo đều giơ ra đâm vào ngựa bắt dừng lại. Lệ-Kim và Liên-Tường liền múa kiếm nhảy xuống ngựa và quát ;

— Quân này láo thật ! Không biết chúng ta đây là vợ quan Trấn-thủ à ?

Cả bọn đều sấn cả vào đánh, quát theo :

— Vợ quan Trấn-thủ cũng bắt !

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Sắp phát hành hai cuốn sách qui

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Một công trình nghiên cứu và phê-bình về nghệ-thuật, văn học, ngôn ngữ và phong tục của nhà kiến trúc.

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ *Đã được ông Tố (Bác-cổ) và nhiều báo chí Pháp, Nam ngợi khen.* (Có in một số sách đẹp giấy bouffant và lệnh chỉ thượng hạng dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa đạo lý triết học Đông - tây như Épicure, Stuart Mill, Ben-tham, Zénon, Épitecte, Auguste Comte, Kant, Schopenhauer, Dur-khein.....

Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Trang Tử, Mạnh Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, v.v. để tìm lấy một đạo sống chiết-trung, xứng đáng với loài người (Có in một số sách đẹp bằng giấy lệnh chỉ và giấy regrist dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

Sách bán gần hết Giá 2 p. 00

THI-THOẠI

Mua sách, đặt sách, đề : M. LÊ VĂN-HOÈ giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis rue Tien Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 $ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 $ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p,30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat ĩ tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rị du Coton — Hanoi

Mới có bán

Thằng Phượng

tiểu thuyết giáo dục của NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

.... Riêng tặng các bậc Phụ-huynh, các thầy giáo, và các cậu bé học-sinh nghịch-ngợm

Sách dày hơn 200 trang — Bìa rất đẹp — Giá 1 p. 50

Mua một quyển gửi tiền về trước ; 1 p. 50 + 0 p. 50 cước = 2 p. 00 không bán lãnh hóa giao ngân

HÀN-THUYÊN xuất bản cục *71, Phố Tiên Tsin, Hanoi*

Đã có bán

ĐỜI VĂN

Quyển II

của Trần thanh - Mại trong « *Tủ sách phê bình* ».

Giá 0 p. 95

Sắp có bán

Nghệ thuật làm việc

Nguyên tác của André Maurois. *Nguyễn xuân-Huy thuật.*

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT — 49 Takou — Hanoi

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM

Trịnh - như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí 0p.80

2 — Bắc giang địa chí 1.50

3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông — Hanoi

Những sách của Lê - Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton

1·) Tiểu học Việt nam văn Phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 20

2·) *Việt nam văn phạm,* Trần-trọng-Kim 2 50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50

4·) *Phật lục,* Trần-trọng-Kim 0 80

5) *De Hanoi la Courtine* Phạm-duý-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nhơ giáo, 5 quyển Trần-trọng. Kim. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 ·/.

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant ; Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi